

Số: /TB-SYT

Bắc Ninh, ngày tháng 5 năm 2026

THÔNG BÁO

Về việc đăng tải danh sách đăng ký hành nghề khám bệnh, chữa bệnh

Thực hiện Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2 023/QH15 ngày 09/01/2023; Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.

Sở Y tế tỉnh Bắc Ninh thông báo và đăng tải lên Cổng thông tin điện tử Sở Y tế danh sách đăng ký hành nghề của **08** cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, cụ thể như sau:

1. Phòng khám đa khoa Mỹ Phát thuộc Công ty TNHH Bệnh viện Mỹ Phát
(Địa chỉ: Số 1170 TDP Quang Trung, phường Chũ, tỉnh Bắc Ninh)

Danh sách đăng ký hành nghề số 05/PKMP ngày 12/5/2026; Tổng số người hành nghề: 54 người; Bổ sung 01; điều chỉnh thông tin: 01.

2. Bệnh viện YHCT Phúc Thượng thuộc Công ty TNHH Bệnh viện Phúc Thượng
(Địa chỉ: Km 5, Quốc lộ 17, phường Đa Mai, tỉnh Bắc Ninh)

Danh sách đăng ký hành nghề số 05/BC-BVPT ngày 11/5/2026; Tổng số người hành nghề: 83; điều chỉnh thông tin: 05; Giảm: 02.

3. Bệnh viện đa khoa Ngã Tư Hồ thuộc Công ty TNHH Y tế Thành Bắc
(Địa chỉ: Số 5 khu phố Bến Hồ, phường Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh)

Danh sách đăng ký hành nghề số 07.2026/BVĐKNTH ngày 13/5/2026; Tổng số người hành nghề: 104 người; Giảm: 05.

4. Bệnh viện đa khoa Quốc tế Hà Nội - Bắc Giang thuộc Công ty cổ phần Y dược Tân Trường Sinh
(Địa chỉ: Tổ dân phố Phú Mỹ 2, phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh)

Danh sách đăng ký hành nghề số 111/BVĐKHNBG ngày 13/5/2026; Tổng số người hành nghề: 163 người; Bổ sung 02.

5. Bệnh viện đa khoa Anh Quất cơ sở 2 thuộc Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa Anh Quất
(Địa chỉ: Tòa 1.4, Khu hành chính dịch vụ 1, cụm công nghiệp Nội Hoàng, phường Tiền Phong, tỉnh Bắc Ninh)

Danh sách đăng ký hành nghề số 10/BVĐKAQ2 ngày 11/5/2026; Tổng số người hành nghề: 107 người; Bổ sung 01; điều chỉnh thông tin: 03.

6. Bệnh viện đa khoa Bắc - Thăng Long thuộc Công ty TNHH Y Dược Bắc Thăng Long
(Địa chỉ: Tân Tiến, phường Chũ, tỉnh Bắc Ninh)

Danh sách đăng ký hành nghề số 09/BVĐKBTL ngày 15/5/2026; Tổng số người hành nghề: 119 người; Bổ sung 01; Giảm 01.



7. Bệnh viện Ung Bướu Bắc Ninh (Địa chỉ: Đường Phạm Ngọc Thạch, phường Đa Mai, tỉnh Bắc Ninh)

Danh sách đăng ký hành nghề số 08/DS-BVUB ngày 11/5/2026; Tổng số người hành nghề: 200 người; Bổ sung 20.

8. Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 1 (Địa chỉ: Đường Lê Lợi, phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh)

Danh sách đăng ký hành nghề số 85/BC-BVĐK ngày 11/5/2026; Tổng số người hành nghề: 819 người; Bổ sung 05; điều chỉnh thông tin: 06; Giảm 01.

(chi tiết theo các file Danh sách gửi kèm)

*** Trách nhiệm của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh:**

- Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật và các cơ quan quản lý về toàn bộ các thông tin do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đề nghị Sở Y tế đăng tải Danh sách đăng ký hành nghề.

- Lưu trữ hồ sơ của cán bộ trong danh sách đăng ký hành nghề và các tài liệu minh chứng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo quy định.

- Phân công nhiệm vụ, quản lý, sử dụng người hành nghề đảm bảo theo đúng các quy định của pháp luật.

Trên đây là Thông báo của Sở Y tế tỉnh Bắc Ninh về việc đăng tải danh sách đăng ký hành nghề khám bệnh, chữa bệnh./.

Nơi nhận:

- Ban Giám đốc Sở Y tế;
- Các cơ sở KBCB có tên trên;
- Công TTĐT Sở Y tế (để đăng tải);
- Lưu: VT, QLHN.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Thị Thu Hương

Số: /DS-BVUB

Bắc Ninh, ngày tháng 5 năm 2026

DANH SÁCH ĐĂNG KÝ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH CHỮA BỆNH

- Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh: **BỆNH VIỆN UNG BƯỚU BẮC NINH;**
- Giấy phép hoạt động KBCB: Số 614/BN-GPHĐ ngày 14/7/2025; Thời gian hoạt động: 24/24h các ngày trong tuần
- Địa chỉ hoạt động: Đường Phạm Ngọc Thạch, phường Đa Mai, tỉnh Bắc Ninh;
- Thông tin người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Danh Song**; Số căn cước công dân: 024074262954; Trình độ: Bác sĩ CKII; Điện thoại: 0973481111.
- Thông tin người chịu trách nhiệm CMKT: Bà **Lê Thị Hương**; Số căn cước công dân: 024171000625; CCHN số: 002227/BG-CCHN ngày 25/12/2013; Phạm vi hành nghề: bác sĩ chuyên khoa Nội (Ung bướu); Điện thoại: 0915306735.
- Thông tin người lập biểu: Đinh Xuân Hòa; Phòng Tổ chức cán bộ; Điện thoại: 0848822228.
- Phạm vi chuyên môn được phê duyệt: Thực hiện kỹ thuật chuyên môn được Giám đốc Sở Y tế Bắc Ninh phê duyệt.
- Báo cáo đăng ký hành nghề KBCB: Tổng số người hành nghề (Cũ + mới): 200 người; Số người hành nghề mới: 20 người; Người hành nghề cũ điều chỉnh thông tin: 00 người; Thôi hành nghề: 00 người.

TT	Họ và tên	Văn bằng, chứng chỉ/ năm cấp	Số giấy phép hành nghề, ngày cấp	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở	Vị trí chuyên môn	Chức danh quản lý	Khoa, phòng, bộ phận chuyên môn	Thời điểm tiếp nhận (Mục A) hoặc thôi việc (Mục B)	Thông tin ĐKHN tại cơ sở khác	Ghi chú
A. SỐ ĐANG HÀNH NGHỀ											
1	Nguyễn Danh Song	CK II Y tế công cộng (2017); Ths Nhi khoa (2004); Bằng đại học bác sĩ	001336/BG-CCHN ngày cấp 23/9/2013	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ	Bác sĩ KB, CB chuyên khoa Nhi	Giám đốc	HSCC-CSGN	05/10/2020 QĐ 1266/QĐ-SYT ngày 05/10/2020	Khám chữa bệnh ngoài giờ tại Phòng khám Chuyên khoa Nhi; Thời gian từ 17h	

TT	Họ và tên	Văn bằng, chứng chỉ/ năm cấp	Số giấy phép hành nghề, ngày cấp	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở	Vị trí chuyên môn	Chức danh quản lý	Khoa, phòng, bộ phận chuyên môn	Thời điểm tiếp nhận (Mục A) hoặc thôi việc (Mục B)	Thông tin ĐKHN tại cơ sở khác	Ghi chú
		chuyên khoa Nhi (1998)			theo quy chế bệnh viện)					đến 20h các ngày trong tuần; T7,CN từ 8h đến 17h, Địa chỉ: 72 đường Cô Bắc, phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh	
2	Lê Thị Hương	CKII Nội khoa (2015); CKI Ung thư (2009); Bằng đại học y (1997)	002227/BG-CCHN ngày cấp 25/12/2013	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội (Ung bướu)	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Bác sĩ KB, CB chuyên khoa Nội (Ung bướu)	Phó Giám đốc; người phụ trách CMKT của cơ sở	Nội 2	01/01/2017 (QĐ 6646/QĐ-SYT ngày 23/12/2016)	Không	
3	Chu Mạnh Long	Ths Ngoại khoa (2015); Bằng bác sĩ y khoa (2002); điện tâm đồ (2012); siêu âm tổng quát (2006); phẫu thuật nội soi cơ bản (2012); phẫu thuật cắt túi mật nội soi (2015); phẫu thuật ung thư buồng trứng	001354/BG-CCHN ngày cấp 23/9/2013	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Bác sĩ KB, CB chuyên khoa Ngoại	Phó Giám đốc	Ngoại B	01/01/2017 (QĐ 6646/QĐ-SYT ngày 23/12/2016)	Không	

TT	Họ và tên	Văn bằng, chứng chỉ/ năm cấp	Số giấy phép hành nghề, ngày cấp	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở	Vị trí chuyên môn	Chức danh quản lý	Khoa, phòng, bộ phận chuyên môn	Thời điểm tiếp nhận (Mục A) hoặc thôi việc (Mục B)	Thông tin ĐKHN tại cơ sở khác	Ghi chú
		(2017); phẫu thuật và điều trị ung thư vú (2017); phẫu thuật ung thư tuyến giáp (2018); phẫu thuật nội soi cắt đại trực tràng nâng cao (2018); phẫu thuật ung thư tiết niệu (2019); phẫu thuật nội soi tuyến giáp (2019); Điều trị nhân lành tuyến giáp bằng RFA và vi sóng (2023)									
4	Nguyễn Văn Giang	Bằng Bs đa khoa (2009); bằng CKI Ung thư (2018); xạ trị ung thư vú (2019); điện tâm đồ (2020); xạ trị cơ bản dành cho bác sĩ (2018); phẫu thuật cơ bản trong điều trị một số bệnh	002233/BG -CCHN ngày cấp 26/10/2021	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ung bướu	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Bác sĩ KB, CB chuyên khoa Ung bướu	Trưởng khoa	Ngoại A	Ngày 01/01/2017 (QĐ số 75/QĐ-BVUB	Khám chữa bệnh ngoài giờ tại Phòng khám Chuyên khoa Ung bướu; thời gian 8h đến 17h T7, CN; Địa chỉ: 39 Lê Lai, phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh	

TT	Họ và tên	Văn bằng, chứng chỉ/ năm cấp	Số giấy phép hành nghề, ngày cấp	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở	Vị trí chuyên môn	Chức danh quản lý	Khoa, phòng, bộ phận chuyên môn	Thời điểm tiếp nhận (Mục A) hoặc thôi việc (Mục B)	Thông tin ĐKHN tại cơ sở khác	Ghi chú
		ung thư (2015); phẫu thuật ung thư buồng trứng (2017); phẫu thuật ung thư vú (2017); phẫu thuật ung thư dạ dày (2017)									
5	Trần Mạnh Hùng	Bằng bác sĩ đa khoa (2017); Siêu âm thực hành (2017); BSCK I Ung thư (2023); Phẫu thuật nội soi cơ bản (2022); Điều trị nhân giáp lành tính bằng RFA và vi sóng (2023)	007795/BG -CCHN ngày cấp 06/10/2020	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại Ung bướu	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Bác sĩ KB,CB chuyên khoa Ngoại Ung Bướu	Phó Trưởng khoa	Ngoại A	20/02/2019 (theo QĐ số 64a/QĐ-BVUB ngày 13/02/2019)	Không	
6	Vũ Chí Linh	Bằng bác sĩ đa khoa (2019); Bs Nội trú, Bs CKI, Thạc sĩ Ngoại khoa (2022); Ung thư cơ bản (2022); Phẫu thuật nội soi ổ bụng (2024)	009040/BG -CCHN cấp ngày 12/7/2023	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Bác sĩ KB,CB chuyên khoa Ngoại	không	Ngoại A	01/02/2023 (QĐ 39/QĐ-BVUB ngày 18/01/2023	Không	
7	Nguyễn Công Hiếu	Bằng Bác sĩ Y khoa năm (2019	008091/BG -CCHN cấp	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại Ung bướu	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng	Bác sĩ KB,CB chuyên	không	Ngoại A	01/10/2020(QĐ 495/QĐ-	Không	

TT	Họ và tên	Văn bằng, chứng chỉ/ năm cấp	Số giấy phép hành nghề, ngày cấp	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở	Vị trí chuyên môn	Chức danh quản lý	Khoa, phòng, bộ phận chuyên môn	Thời điểm tiếp nhận (Mục A) hoặc thôi việc (Mục B)	Thông tin ĐKHN tại cơ sở khác	Ghi chú
		), Điện tâm đồ (2022)	ngày 23/5/2021		tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	khoa Ngoại Ung Bướu			BVUB ngày 29/9/2020)		
8	Hồng Thị Châm	Bằng Bác sĩ Y khoa(2020); Chứng chỉ điện tâm đồ(2022)	009290/BG -CCHN cấp ngày 07/12/2023	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại Ung bướu	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Bác sĩ KB,CB chuyên khoa Ngoại Ung Bướu	không	Ngoại A	21/5/2021 (QĐ 227/QĐ-BVUB ngày 21/5/2021	Không	
9	Vũ Trí Trung	Bằng bác sĩ Y khoa (2021)	000224/BG -GPHN (ngày cấp 11/6/2024)	Chuyên khoa Ngoại Ung bướu	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Bác sĩ KB,CB chuyên khoa Ngoại Ung Bướu	không	Ngoại A	01/02/2023 (QĐ 30/QĐ-BVUB ngày 18/01/2023	Không	
10	Nguyễn Văn Quý	Bằng bác sĩ đa khoa (2021)	009046/BG -CCHN (12/07/2023)	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Bác sĩ KB,CB chuyên khoa Ngoại	không	Ngoại A	02/12/2024 (QĐ 1082/QĐ-BVUB ngày 29/11/2024)	Không	
11	Phan Thị Hoa	Bằng cử nhân điều dưỡng(2019)	002069/BG -CCHN cấp ngày 29/10/2021	Quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Điều dưỡng	Điều dưỡng trưởng khoa	Ngoại A	01/01/2017(QĐ 82/QĐ-BVUB ngày 01/01/2017)	Không	

TT	Họ và tên	Văn bằng, chứng chỉ/ năm cấp	Số giấy phép hành nghề, ngày cấp	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở	Vị trí chuyên môn	Chức danh quản lý	Khoa, phòng, bộ phận chuyên môn	Thời điểm tiếp nhận (Mục A) hoặc thôi việc (Mục B)	Thông tin ĐKHN tại cơ sở khác	Ghi chú
				ng nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y							
12	Nguyễn Thị Khuyên	Bằng tốt nghiệp Cao Đẳng (2013)	008655/BG -CCHN cấp ngày 24/10/2022	Quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Điều dưỡng	không	Ngoại A	21/5/2021 (Số 235/QĐ-BVUB ngày 21/5/2021)	Không	
13	Phạm Thị Hương Linh	Bằng Cử nhân điều dưỡng (2021)	008697/BG -CCHN (10/11/2022)	Quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Điều dưỡng	không	Ngoại A	01/12/2022 (QĐ 697/QĐ-BVUB ngày 30/11/2022)	Không	
14	Đỗ Quỳnh Anh	Bằng Cử nhân điều dưỡng (2016)	004931/BN -CCHN (21/01/2019)	Quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Điều dưỡng	không	Ngoại A	01/12/2022 (QĐ 694/QĐ-BVUB ngày 30/11/2022)	Không	
15	Đào Thị Hà	Bằng cử nhân điều dưỡng (2019)	002061/BG -CCHN cấp ngày 26/10/2021	Quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ	Điều dưỡng	không	Ngoại A	01/01/2017(QĐ 81/QĐ-BVUB ngày 01/01/2017)	Không	

TT	Họ và tên	Văn bằng, chứng chỉ/ năm cấp	Số giấy phép hành nghề, ngày cấp	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở	Vị trí chuyên môn	Chức danh quản lý	Khoa, phòng, bộ phận chuyên môn	Thời điểm tiếp nhận (Mục A) hoặc thôi việc (Mục B)	Thông tin ĐKHN tại cơ sở khác	Ghi chú
				ng nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	theo quy chế bệnh viện)						
16	Ngô Thị Hương	Bằng Cử nhân điều dưỡng (2024), Bằng cao đẳng điều dưỡng (2020)	002080/BG -CCHN cấp ngày 26/10/2021	Quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Điều dưỡng	không	Ngoại A	01/01/2017(QĐ 79/QĐ-BVUB ngày 01/01/2017)	Không	
17	Vũ Thị Thúy Hương	Bằng Cử nhân điều dưỡng (2018)	000007/BG -GPHN (25/01/2024)	Điều dưỡng	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Điều dưỡng	không	Ngoại A	01/12/2022 (QĐ 698/QĐ-BVUB ngày 30/11/2022)	Không	
18	Nguyễn Ngọc Ánh	Bằng Điều dưỡng cao đẳng (2022)	009224/BG -CCHN (20/10/2023)	Quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Điều dưỡng	không	Ngoại A	01/4/2024 (QĐ 193/QĐ-BVUB) ngày 18/3/2024	Không	
19	Trần Thị Nga	Bằng Cử nhân điều dưỡng (2020)	006389/BG -CCHN cấp ngày 21/8/2017	Quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Điều dưỡng	không	Ngoại A	10/04/2025 (Số 233/QĐ-BVUB ngày 08/4/2025)	Không	

TT	Họ và tên	Văn bằng, chứng chỉ/ năm cấp	Số giấy phép hành nghề, ngày cấp	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở	Vị trí chuyên môn	Chức danh quản lý	Khoa, phòng, bộ phận chuyên môn	Thời điểm tiếp nhận (Mục A) hoặc thôi việc (Mục B)	Thông tin ĐKHN tại cơ sở khác	Ghi chú
				ng nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y							
20	Trần Thị Minh Anh	Bằng Điều dưỡng cao đẳng (2020)	007967/BG-CCHN cấp ngày 23/02/2021	Quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Điều dưỡng	không	Ngoại A	01/5/2026 (QĐ 303/QĐ-BVUB ngày 29/4/2026)	Không	người hành nghề mới
21	Đặng Sỹ Dũng	Bằng cao đẳng điều dưỡng (2019); Bằng cử nhân điều dưỡng (2024); Chứng chỉ đào tạo điều dưỡng gây mê hồi sức (2019)	029625/HN O-CCHN cấp ngày 26/3/2020	Quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Điều dưỡng	không	Ngoại A	01/5/2026 (QĐ 305/QĐ-BVUB ngày 29/4/2026)	Không	người hành nghề mới
22	Trương Đức Mỹ	Bằng bác sĩ đa khoa (29/8/2005); chứng chỉ điện tâm đồ (15/7/2020); bằng chuyên khoa cấp I ngày 03/02/2015; chứng chỉ Phẫu thuật nội soi cơ bản ngày 07/06/2018	002229/BG-CCHN cấp ngày 26/10/2021	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ung bướu	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Bác sĩ KB, CB chuyên khoa Ung bướu	Trưởng khoa	Ngoại B	01/01/2017 (QĐ 73/QĐ-BVUB ngày 01/01/2017)	Khám chữa bệnh ngoài giờ tại Bệnh viện Đa khoa Sông Thương; thời gian từ 8h đến 17h T7, CN; địa chỉ: 260 - Đường Lê Lợi - Phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh	

TT	Họ và tên	Văn bằng, chứng chỉ/ năm cấp	Số giấy phép hành nghề, ngày cấp	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở	Vị trí chuyên môn	Chức danh quản lý	Khoa, phòng, bộ phận chuyên môn	Thời điểm tiếp nhận (Mục A) hoặc thôi việc (Mục B)	Thông tin ĐKHN tại cơ sở khác	Ghi chú
23	Nguyễn Nam Trung	Bằng Bác sĩ ngành Y đa khoa (30/6/2014); Bằng Thạc sĩ y học (15/01/2021); Chứng chỉ Phẫu thuật nội soi cơ bản (23/12/2022); Chứng chỉ Kỹ thuật đặt buồng tiêm truyền dưới da (16/9/2022); Kỹ thuật xạ trị ung thư bằng máy gia tốc (2016); Điện tâm đồ (2016)	005873/BG-CCHN cấp ngày 06/12/2016	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại Ung bướu	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Bác sĩ KB,CB chuyên khoa Ngoại Ung Bướu	Phó Trưởng khoa	Ngoại B	01/01/2017 (QĐ số 76/QĐ-BVUB	Khám chữa bệnh ngoài giờ tại Phòng khám chuyên khoa Ngoại Ung bướu Thiên Phúc; thời gian 17h-19h các ngày trong tuần; T7, CN từ 8h-19h; Địa chỉ: Lô 10C3, đường Thân Nhân Trung, phường Đa Mai, tỉnh Bắc Ninh	
24	Nguyễn Đức Diễn	Bằng Bác sĩ Nội trú bệnh viện (14/03/2023). Bằng Bác sĩ Y khoa (19/06/2019)	008450/BG-CCHN cấp ngày 25/5/2022	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Bác sĩ KB,CB chuyên khoa Ngoại Ung Bướu	không	Ngoại B	01/02/2023 (QĐ 38/QĐ-BVUB ngày 18/01/2023	Không	
25	Vũ Duy Tân	Bằng bác sĩ đa khoa - 2016; Bác sĩ CK1 - 2024	007538/BG-CCHN cấp ngày 26/02/2020	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại Ung bướu	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ	Bác sĩ KB,CB chuyên khoa Ngoại	không	Ngoại B	01/7/2018 (QĐ 146/QĐ-BVUB ngày 28/06/2018)	Khám chữa bệnh ngoài giờ tại Phòng khám chuyên khoa Ngoại	

TT	Họ và tên	Văn bằng, chứng chỉ/ năm cấp	Số giấy phép hành nghề, ngày cấp	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở	Vị trí chuyên môn	Chức danh quản lý	Khoa, phòng, bộ phận chuyên môn	Thời điểm tiếp nhận (Mục A) hoặc thời việc (Mục B)	Thông tin ĐKHN tại cơ sở khác	Ghi chú
					theo quy chế bệnh viện)	Ung Bướu				Ung bướu Tân Huê; thời gian từ 17h-20h các ngày trong tuần; T7,CN từ 8h-19h; Địa chỉ: 117-119 đường Giáp Văn Phúc, phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh.	
26	Vi Quý Ly	Bằng bác sĩ đa khoa - 2012; Bác sĩ chuyên khoa cấp 1 - 2019; Chứng chỉ điện tâm đồ(2023)	007449/BG-CCHN cấp ngày 12/12/2019	Khám chữa bệnh chuyên khoa Tai mũi họng	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Bác sĩ KB,CB chuyên khoa Ngoại Ung Bướu	không	Ngoại B	21/5/2021 (QĐ 229/QĐ-BVUB ngày 21/5/2021)	Khám chữa bệnh ngoài giờ tại Phòng khám Nhi Bs Thịnh; thời gian từ 18h-20h các ngày trong tuần; T7,CN từ 8h-19h. Địa chỉ: 45 Nguyễn Thọ Vinh 8, phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh	
27	Nguyễn Trung Nghĩa	Bằng bác sĩ Y khoa (2021); Chứng chỉ Điện tâm đồ cơ bản (2024); Chứng	000107/BG-GPHN ngày 08/04/2024	Chuyên khoa Ngoại Ung bướu	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ	Bác sĩ KB,CB chuyên khoa Ngoại	không	Ngoại B	01/02/2023 (QĐ 29/QĐ-BVUB ngày 18/01/2023	Không	

TT	Họ và tên	Văn bằng, chứng chỉ/ năm cấp	Số giấy phép hành nghề, ngày cấp	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở	Vị trí chuyên môn	Chức danh quản lý	Khoa, phòng, bộ phận chuyên môn	Thời điểm tiếp nhận (Mục A) hoặc thôi việc (Mục B)	Thông tin ĐKHN tại cơ sở khác	Ghi chú
		chỉ Phẫu thuật nội soi cơ bản (2025)			theo quy chế bệnh viện)	Ung Bướu					
28	Lưu Thị Thúy Quỳnh	Bằng bác sĩ nội trú Ung thư (2025); Bằng chuyên khoa cấp I Ung thư (2025); Bằng bác sĩ y khoa (2021)	000769/BG-GPHN cấp ngày 31/3/2025	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ung thư	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ung thư	không	Ngoại B	01/02/2023 (QĐ 36/QĐ-BVUB ngày 18/01/2023)	Không	
29	Nguyễn Thị Hậu	Bằng Cử nhân điều dưỡng ngày 02/7/2013	0005416/B-G-CCHN ngày 16/7/2015	Quy định tại QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng BNV về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Điều dưỡng	Điều dưỡng trưởng khoa	Ngoại B	01/01/2017 (QĐ 55/QĐ-BVUB ngày 01/01/2017)	Không	
30	Thân Thị Yến	Bằng Cử nhân điều dưỡng ngày 12/11/2024, Bằng cao đẳng điều dưỡng ngày 01/7/2020	002066/BG-CCHN ngày 29/10/2021	Quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Điều dưỡng	không	Ngoại B	01/01/2017 (QĐ 83/QĐ-BVUB ngày 01/01/2017)	Không	
31	Nguyễn Thị Minh Hương	Bằng Cử nhân điều dưỡng ngày 12/11/2024, Bằng cao đẳng	007139/BG-CCHN ngày 26/10/2021	Quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ	Điều dưỡng	không	Ngoại B	02/5/2018 (QĐ 102/QĐ-BVUB ngày 02/5/2018)	Không	

TT	Họ và tên	Văn bằng, chứng chỉ/ năm cấp	Số giấy phép hành nghề, ngày cấp	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở	Vị trí chuyên môn	Chức danh quản lý	Khoa, phòng, bộ phận chuyên môn	Thời điểm tiếp nhận (Mục A) hoặc thôi việc (Mục B)	Thông tin ĐKHN tại cơ sở khác	Ghi chú
		điều dưỡng ngày 26/11/2020		chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	theo quy chế bệnh viện)						
32	Nguyễn Thị Thơm	Bằng Cử nhân điều dưỡng ngày 12/11/2024. Bằng cao đẳng điều dưỡng ngày 16/09/2019	007557/BG-CCHN cấp ngày 29/10/2021	Quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Điều dưỡng	không	Ngoại B	01/6/2019 (QĐ 166/QĐ-BVUB ngày 30/5/2019)	Không	
33	Lâm Thị Oanh	Bằng Cao đẳng điều dưỡng(26/11/2020)	008656/BG-CCHN ngày 24/10/2022	Quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Điều dưỡng	không	Ngoại B	21/5/2021 (QĐ 234/QĐ-BVUB ngày 21/5/2021)	Không	
34	Trần Ngọc Ánh	Bằng cử nhân điều dưỡng (2021)	000009/BG-GPHN NGÀY 25/01/2024	Điều dưỡng	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Điều dưỡng	không	Ngoại B	01/12/2022 (QĐ 696/QĐ-BVUB ngày 30/11/2022)	Không	
35	Thân Thị Nga	Bằng Cao đẳng điều dưỡng (cấp ngày 10/10/2011)	006669/BG-CCHN Ngày cấp 12/01/2018	Quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ	Điều dưỡng	không	Ngoại B	01/4/2024 (QĐ 196/QĐ-BVUB ngày 18/03/2024)	Không	

TT	Họ và tên	Văn bằng, chứng chỉ/ năm cấp	Số giấy phép hành nghề, ngày cấp	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở	Vị trí chuyên môn	Chức danh quản lý	Khoa, phòng, bộ phận chuyên môn	Thời điểm tiếp nhận (Mục A) hoặc thôi việc (Mục B)	Thông tin ĐKHN tại cơ sở khác	Ghi chú
				ng nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	theo quy chế bệnh viện)						
36	Nguyễn Thị Châm	Bằng Cao đẳng điều dưỡng (cấp ngày 09/09/2013)	000487/BG -GPHN cấp ngày 19/12/2024	Điều dưỡng	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Điều dưỡng	không	Ngoại B	01/12/2022 (QĐ 691/QĐ-BVUB ngày 30/11/2022)	Không	
37	Phan Hữu Huy	Bằng cử nhân điều dưỡng (2021)	006092/BG -CCHN cấp ngày 04/4/2017	Quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y.	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Điều dưỡng	không	Ngoại B	15/6/2024 (QĐ 462/QĐ-BVUB ngày 14/6/2024)	Không	
38	Lê Thị Hương	Bằng Cao đẳng Điều dưỡng cấp ngày 12/11/2021	009157/BG -CCHN cấp ngày 13/09/2023	Quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Điều Dưỡng	không	Ngoại B	01/5/2026 (QĐ 327/QĐ-BVUB ngày 29/4/2026)	Không	người hành nghề mới
39	Nguyễn Thị Tuyết	Bằng tốt nghiệp Bsi đa khoa (14/7/2010), Bằng BS chuyên khoa I Hóa sinh	002092/BG -CCHN. Ngày cấp 31/12/2019	Chuyên khoa Xét nghiệm (hóa sinh)	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ	Bác sỹ chuyên khoa xét nghiệm	Trưởng khoa	Xét nghiệm	01/01/2017; Quyết định số 6642/QĐ-SYT ngày 23/12/2016	Không	

TT	Họ và tên	Văn bằng, chứng chỉ/ năm cấp	Số giấy phép hành nghề, ngày cấp	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở	Vị trí chuyên môn	Chức danh quản lý	Khoa, phòng, bộ phận chuyên môn	Thời điểm tiếp nhận (Mục A) hoặc thôi việc (Mục B)	Thông tin ĐKHN tại cơ sở khác	Ghi chú
		(09/10/2019), chứng chỉ định hướng kỹ thuật y học chuyên ngành xét nghiệm (19/9/2019) chứng chỉ xét nghiệm cơ bản (2024)			theo quy chế bệnh viện)	(Hóa sinh)					
40	Nguyễn Thị Yên	Bằng tốt Bsi đa khoa (25/09/2013), Bằng BS chuyên khoa I xét nghiệm y học(30/12/2022)	0005418/B G-CCHN ngày cấp 22/9/2023	Chuyên khoa Xét nghiệm	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Bác sỹ chuyên khoa xét nghiệm	Phó Trưởng khoa	Xét nghiệm	01/01/2017 (QĐ 32/QĐ-BVUB ngày 01/01/2017)	Không	
41	Tạ Thị Tuyết Nhung	Bằng tốt nghiệp Bsi đa khoa (14/7/2010)	000793/BG -GPHN Ngày cấp 04/04/2025	Khám bệnh, chữa bệnh Chuyên khoa Nội Ung bướu	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Khám chữa bệnh chuyên khoa nội ung bướu	không	Xét nghiệm	01/01/2017 (QĐ 49/QĐ-BVUB ngày 01/01/2017)	Không	
42	Trần Thị Hải	Bằng cử nhân kỹ thuật y học (01/8/2013); Bằng Thạc sỹ kỹ thuật xét nghiệm y học(18/02/2025)	0017382/H NO-CCHN ngày cấp: 08/9/2015	Kỹ thuật viên xét nghiệm	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Kỹ thuật Y	Kỹ thuật viên trưởng khoa	Xét nghiệm	01/01/2017 (QĐ 33/QĐ-BVUB ngày 01/01/2017)	Không	

TT	Họ và tên	Văn bằng, chứng chỉ/ năm cấp	Số giấy phép hành nghề, ngày cấp	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở	Vị trí chuyên môn	Chức danh quản lý	Khoa, phòng, bộ phận chuyên môn	Thời điểm tiếp nhận (Mục A) hoặc thôi việc (Mục B)	Thông tin ĐKHN tại cơ sở khác	Ghi chú
43	Nguyễn Văn Hưởng	Bằng cử nhân xét nghiệm y học(17/01/2020)	0003181/B G-CCHN ngày cấp 10/03/2021	Chuyên khoa Xét nghiệm	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Kỹ thuật Y	không	Xét nghiệm	01/7/2022; Quyết định số 383/QĐ-BVUB ngày 29/06/2022	Không	
44	Nguyễn Thị Luân	Bằng cử nhân xét nghiệm y học(17/01/2020), chứng chỉ xét nghiệm vi sinh cơ bản(28/08/2017)	002087/BG -CCHN Ngày cấp: 17/11/2020	Chuyên khoa Xét nghiệm	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Kỹ thuật Y	không	Xét nghiệm	01/01/2017 (QĐ 34/QĐ-BVUB ngày 01/01/2017)	Không	
45	Trần Thị Thủy	Bằng Cử nhân xét nghiệm y học(17/01/2020)	001077/BG -CCHN ngày cấp: 17/11/2020	Chuyên khoa Xét nghiệm	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Kỹ thuật Y	không	Xét nghiệm	01/01/2017 (QĐ 36/QĐ-BVUB ngày 01/01/2017)	Không	
46	Nguyễn Thị Ngọc	Trung học kỹ thuật xét nghiệm đa khoa (2012);Bằng tốt nghiệp Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học (09/11/2021)	006960/BG -CCHN ngày cấp 28/12/2023	Chuyên khoa Xét nghiệm	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Kỹ thuật Y	không	Xét nghiệm	01/3/2022(H Đ 20/HĐLĐ-BVUB ngày 10/03/2022)	Không	
47	Đỗ Thị Mĩ Lệ	Bằng tốt nghiệp Cử nhân xét	024594/HN O-CCHN	Chuyên khoa Xét nghiệm	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2	Kỹ thuật Y	không	Xét nghiệm	01/3/2022; Hợp đồng số	Không	

TT	Họ và tên	Văn bằng, chứng chỉ/ năm cấp	Số giấy phép hành nghề, ngày cấp	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở	Vị trí chuyên môn	Chức danh quản lý	Khoa, phòng, bộ phận chuyên môn	Thời điểm tiếp nhận (Mục A) hoặc thôi việc (Mục B)	Thông tin ĐKHN tại cơ sở khác	Ghi chú
		nghiệm y học (01/09/2015)	ngày cấp 19/06/2018		đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)				21/HĐLĐ-BVUB ngày 10/03/2022		
48	Nguyễn Thị Thu Hằng	Bằng cao đẳng kỹ thuật xét nghiệm y học (20/10/2022)	009164/BG -CCHN ngày cấp: 13/09/2023	Kỹ thuật viên xét nghiệm	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Kỹ thuật Y	không	Xét nghiệm	16/12/2025	Không	
49	Nguyễn Tất Thắng	Bằng bác sĩ đa khoa (2005); Bằng BSCK I Nội khoa (2015); Chứng chỉ định hướng chuyên khoa Ung thư (2018); Chứng chỉ Nội soi phế quản chẵn đoán (2012); Chứng chỉ Nội soi cơ bản chẩn đoán ung thư đường tiêu hóa(2015); Chứng chỉ siêu âm tổng quát(2017); Chứng chỉ Hóa	002259/BG -CCHN cấp ngày 25/12/2013	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Hô hấp; chuyên khoa Nội (Ung bướu) bổ sung theo QĐ số 110/QĐ-SYT (22/01/2019)	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Bác sĩ khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Ung bướu	Trưởng khoa	HSCC-CSGN	01/01/2017 (QĐ 97/QĐ-BVUB ngày 01/01/2017)	Không	

TT	Họ và tên	Văn bằng, chứng chỉ/ năm cấp	Số giấy phép hành nghề, ngày cấp	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở	Vị trí chuyên môn	Chức danh quản lý	Khoa, phòng, bộ phận chuyên môn	Thời điểm tiếp nhận (Mục A) hoặc thôi việc (Mục B)	Thông tin ĐKHN tại cơ sở khác	Ghi chú
		trị một số bệnh ung thư đường tiêu hóa(2019);									
50	Chu Thị Thủy	Bằng tốt nghiệp Đại học năm 2004. Bằng chuyên khoa cấp I Nhi khoa năm 2012, chứng chỉ Ung thư cơ bản 2021, Chứng chỉ Điện tâm đồ năm 2022.	002094/BG -CCHN cấp ngày 31/10/2013	Khám bệnh, chữa bệnh hệ Nội - Nhi	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Ung bướu	Phó trưởng khoa	HSCC-CSGN	01/01/2017 (QĐ 6642/QĐ-SYT ngày 23/12/2016)	Không	
51	Nguyễn Thị Oanh	Bằng tốt nghiệp Đại học năm 2012; Bằng chuyên khoa cấp 1 Ung thư năm 2021; Chứng chỉ Điện tâm đồ năm 2022.	002837/BG -CCHN Cấp ngày 21/01/2019	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Ung bướu	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Ung bướu	Phó Trưởng khoa	HSCC-CSGN	01/01/2017 (QĐ 50/QĐ-BVUB ngày 01/01/2017)	Không	
52	Nguyễn Thị Trang	Bằng tốt nghiệp Đại học năm 2018	008666/BG -CCHN cấp ngày 03/11/2022	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Ung bướu	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Ung bướu	không	HSCC-CSGN	06/7/2020 (QĐ 270/QĐ-BVUB ngày 03/07/2020)	Không	
53	Nguyễn Thị Thu	Bằng tốt nghiệp Đại học năm 2018	008239/BG -CCHN cấp	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Ung bướu	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng	Khám bệnh, chữa	không	HSCC-CSGN	06/7/2020 (QĐ 268/QĐ-	Không	

TT	Họ và tên	Văn bằng, chứng chỉ/ năm cấp	Số giấy phép hành nghề, ngày cấp	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở	Vị trí chuyên môn	Chức danh quản lý	Khoa, phòng, bộ phận chuyên môn	Thời điểm tiếp nhận (Mục A) hoặc thời việc (Mục B)	Thông tin ĐKHN tại cơ sở khác	Ghi chú
			ngày 07/10/2021		tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	bệnh chuyên khoa Nội Ung bướu			BVUB ngày 03/07/2020)		
54	Nguyễn Thị Liên	Bằng tốt nghiệp Đại học năm 2020	008985/BG-CCHN cấp ngày 07/06/2023	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Ung bướu	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Ung bướu	không	HSCC-CSGN	21/5/2021 (QĐ 228/QĐ-BVUB ngày 21/05/2021	Không	
55	Nguyễn Thị Xuân	Bằng tốt nghiệp Đại học năm 2019	008989/BG-CCHN cấp ngày 07/06/2023	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Ung bướu	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Ung bướu	không	HSCC-CSGN	21/5/2021 (QĐ 232/QĐ-BVUB ngày 21/5/2021)	Không	
56	Hoàng Thị Oanh	Bằng tốt nghiệp Đại học ngày 25 tháng 9 năm 2013, Bằng tốt nghiệp chuyên khoa cấp I Ung thư ngày (2025), Điện tâm đồ (2022)	005419/BG-CCHN cấp ngày 26/02/2020	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Ung bướu	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Bác sĩ khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Ung bướu	không	HSCC-CSGN	01/01/2017 (QĐ 51/QĐ-BVUB ngày 01/01/2017)	Không	
57	Phạm Ngọc Sơn	bằng tốt nghiệp đại học năm	006253/BG-CCHN cấp	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2	Khám chữa	không	HSCC-CSGN	01/8/2018QĐ 193/QĐ-	Không	

TT	Họ và tên	Văn bằng, chứng chỉ/ năm cấp	Số giấy phép hành nghề, ngày cấp	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở	Vị trí chuyên môn	Chức danh quản lý	Khoa, phòng, bộ phận chuyên môn	Thời điểm tiếp nhận (Mục A) hoặc thôi việc (Mục B)	Thông tin ĐKHN tại cơ sở khác	Ghi chú
		2012; chứng chỉ điện tâm đồ năm 2022, Bằng CKI Gây mê hồi sức (2025)	ngày 26/02/2020	Nội Ung bướu; Chuyên khoa Hồi sức cấp cứu bổ sung theo QĐ 486/QĐ-SYT (10/02/2026)	đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	bệnh chuyên khoa Nội Ung bướu			BVUB ngày 31/07/2018		
58	Nguyễn Thị Thu Hằng	Bằng tốt nghiệp Đại học năm 2015	006925/BG-CCHN cấp ngày 30/07/2018	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	không	HSCC-CSGN	16/10/2024 (QĐ 909/QĐ-BVUB ngày 14/10/2024)	Không	
59	Trần Quốc Hưng	Bằng tốt nghiệp đại học năm 2014, Bằng tốt nghiệp chuyên khoa cấp I Nội khoa 2025	006283/BG-CCHN cấp ngày 14/7/2017	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	không	HSCC-CSGN	10/4/2025 (QĐ 232/QĐ-BVUB ngày 08/4/2025)	Không	
60	Nguyễn Sỹ Khoa	Bằng tốt nghiệp Trung học chuyên nghiệp cấp ngày 19/04/2002. Bằng tốt nghiệp Cử nhân Điều dưỡng cấp ngày 01/08/2012	0002576/BG-CCHN cấp ngày 25/12/2013	Quy định tại QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng BNV về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Điều dưỡng	Điều dưỡng trưởng khoa	HSCC-CSGN	01/01/2017 (QĐ 52/QĐ-BVUB ngày 01/01/2017)	Không	
61	Nguyễn Thị Uyên	Bằng tốt nghiệp Trung học chuyên nghiệp cấp ngày	002044/BG-CCHN cấp ngày 31/10/2013	Quy định tại QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng BNV về	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và	Điều dưỡng	Phó phòng	HSCC-CSGN	01/01/2017 (QĐ 47/QĐ-BVUB ngày 01/01/2017)	Không	

TT	Họ và tên	Văn bằng, chứng chỉ/ năm cấp	Số giấy phép hành nghề, ngày cấp	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở	Vị trí chuyên môn	Chức danh quản lý	Khoa, phòng, bộ phận chuyên môn	Thời điểm tiếp nhận (Mục A) hoặc thôi việc (Mục B)	Thông tin ĐKHN tại cơ sở khác	Ghi chú
		11/11/2009. Bằng tốt nghiệp Cử nhân Điều dưỡng cấp ngày 25/11/2021		việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngành viên chức y tế điều dưỡng	làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)						
62	Đỗ Thị Bích Thảo	Bằng cao đẳng điều dưỡng cấp ngày 24/03/2020. Bằng Cử nhân điều dưỡng cấp ngày 12/11/2024	002079/BG-CCHN cấp ngày 26/10/2021	Quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Điều dưỡng	không	HSCC-CSGN	01/01/2017 (QĐ 57/QĐ-BVUB ngày 01/01/2017)	Không	
63	Nguyễn Thị Thu Hương	Bằng cao đẳng điều dưỡng cấp ngày 28/12/2021. Bằng Cử nhân điều dưỡng cấp ngày 12/11/2024	002045/BG-CCHN cấp ngày 31/10/2013	Quy định tại QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng BNV về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngành viên chức y tế điều dưỡng	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Điều dưỡng	không	HSCC-CSGN	01/01/2017 (QĐ 53/QĐ-BVUB ngày 01/01/2017)	Không	
64	Lê Thị Quy	Bằng cao đẳng điều dưỡng cấp ngày 15/12/2020	002057/BG-CCHN cấp ngày 29/10/2021	Quy định tại QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng BNV về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngành viên chức y tế điều dưỡng	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Điều dưỡng	không	HSCC-CSGN	01/01/2017 (QĐ 56/QĐ-BVUB ngày 01/01/2017)	Không	
65	Nguyễn Thị Dung	Bằng tốt nghiệp đại học cấp ngày 06/07/2012	003206/TN-G-CCHN	Quy định tại QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng	Điều dưỡng	không	HSCC-CSGN	16/08/2019 (QĐ 238/QĐ-	Không	

TT	Họ và tên	Văn bằng, chứng chỉ/ năm cấp	Số giấy phép hành nghề, ngày cấp	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở	Vị trí chuyên môn	Chức danh quản lý	Khoa, phòng, bộ phận chuyên môn	Thời điểm tiếp nhận (Mục A) hoặc thôi việc (Mục B)	Thông tin ĐKHN tại cơ sở khác	Ghi chú
			cấp ngày 16/07/2014	Bộ trưởng BNV về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngành viên chức y tế điều dưỡng	tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)				BVUB ngày 15/8/2019)		
66	Nguyễn Thị Hà	Bằng tốt nghiệp đại học cử nhân Điều dưỡng cấp ngày 06/7/2012	005945/BG-CCHN CẤP NGÀY 30/12/2016	Quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Điều dưỡng	không	HSCC-CSGN	01/01/2021 (QĐ 667/QĐ-BVUB ngày 31/12/2020)	Không	
67	Cao Diệu Trang	Bằng cao đẳng điều dưỡng cấp ngày 30/09/2019.	008468/BG-CCHN cấp ngày 07/06/2022	Quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Điều dưỡng	không	HSCC-CSGN	21/05/2021 (QĐ 237/QĐ-BVUB ngày 21/5/2021	Không	
68	Nguyễn Thị Tuyết Nương	Bằng cử nhân điều dưỡng cấp ngày 05/01/2021	006892/BG-CCHN cấp ngày 22/6/2018	Quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Điều dưỡng	không	HSCC-CSGN	01/10/2023 (QĐ 648/QĐ-BVUB ngày 21/9/2023)	Không	
69	Lý Thị Hoa	Bằng cao đẳng điều dưỡng cấp ngày 01/4/2022.	008191/BG-CCHN cấp	Quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng	Điều dưỡng	không	HSCC-CSGN	01/12/2022 (QĐ 689/QĐ-	Không	

TT	Họ và tên	Văn bằng, chứng chỉ/ năm cấp	Số giấy phép hành nghề, ngày cấp	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở	Vị trí chuyên môn	Chức danh quản lý	Khoa, phòng, bộ phận chuyên môn	Thời điểm tiếp nhận (Mục A) hoặc thôi việc (Mục B)	Thông tin ĐKHN tại cơ sở khác	Ghi chú
		Bằng Cử nhân điều dưỡng cấp ngày 12/11/2024; Bằng trung cấp điều dưỡng (2015)	ngày 07/9/2021	07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)				BVUB ngày 30/11/2022)		
70	Lưu Văn Cơ	Bằng tốt nghiệp Y sỹ năm 2012; Bằng tốt nghiệp Cao đẳng Điều dưỡng năm 2020	000261/BG -GPHN Cấp ngày 27/6/2024	Điều dưỡng	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Điều dưỡng	không	HSCC-CSGN	01/8/2023 (QĐ 493/QĐ-BVUB ngày 31/7/2023)	Không	
71	Nguyễn Thị Thảo	Bằng tốt nghiệp cử nhân điều dưỡng cấp ngày 12/10/2020	000029/BG -GPHN cấp ngày 19/01/2024	Điều dưỡng	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Điều dưỡng	không	HSCC-CSGN	01/12/2022 (QĐ 692/QĐ-BVUB ngày 30/11/2022)	Không	
72	Lưu Thị Trang	Bằng tốt nghiệp Trung cấp chuyên nghiệp 17/10/2012 Bằng cao đẳng điều dưỡng cấp ngày 16/09/2019	000025/BG -GPHN cấp ngày 19/01/2024	Điều dưỡng	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Điều dưỡng	không	HSCC-CSGN	01/12/2022 (QĐ 665/QĐ-BVUB 22/11/2022)	Không	
73	Đào Bích Huyền	Bằng cử nhân điều dưỡng cấp ngày 17/01/2020	000321/BG -GPHN cấp ngày 22/7/2024	Điều dưỡng	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và	Điều dưỡng	không	HSCC-CSGN	01/12/2022 (QĐ 690/QĐ-	Không	

TT	Họ và tên	Văn bằng, chứng chỉ/ năm cấp	Số giấy phép hành nghề, ngày cấp	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở	Vị trí chuyên môn	Chức danh quản lý	Khoa, phòng, bộ phận chuyên môn	Thời điểm tiếp nhận (Mục A) hoặc thôi việc (Mục B)	Thông tin ĐKHN tại cơ sở khác	Ghi chú
					làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)				BVUB ngày 30/11/2022)		
74	Ngô Hương Giang	Bằng cao đẳng điều dưỡng cấp ngày 18/7/2023	000313/BG-GPHN cấp ngày 22/7/2024	Điều dưỡng	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Điều dưỡng	không	HSCC-CSGN	10/4/2025 (QĐ 236/QĐ-BVUB ngày 08/4/2025)	Không	
75	Thân Thùy Linh	Bằng cao đẳng điều dưỡng ngày 26/11/2020	006682/BG-CCHN cấp ngày 26/10/2021	Quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Điều dưỡng	không	HSCC-CSGN	01/5/2026 (QĐ 310/QĐ-BVUB ngày 29/4/2026)	Không	người hành nghề mới
76	Nguyễn Thị Huyền	Bằng tốt nghiệp Cử nhân Điều dưỡng cấp ngày 12/10/2020	006312/BG-CCHN cấp ngày 26/10/2021	Quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Điều dưỡng	không	HSCC-CSGN	01/5/2026 (QĐ 318/QĐ-BVUB ngày 29/4/2026)	Không	người hành nghề mới
77	Nguyễn Thị Hồng Thái	Bằng cao đẳng điều dưỡng (cấp ngày: 15/08/2012); Bằng cử nhân điều dưỡng (cấp	0002748/BG-CCHN cấp ngày 24/06/2014	Quy định tại QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng BNV về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các	Từ 6h30 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ	Điều dưỡng	không	HSCC-CSGN	01/5/2026 (QĐ 292/QĐ-BVUB ngày 29/4/2026)	Không	người hành nghề mới

TT	Họ và tên	Văn bằng, chứng chỉ/ năm cấp	Số giấy phép hành nghề, ngày cấp	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở	Vị trí chuyên môn	Chức danh quản lý	Khoa, phòng, bộ phận chuyên môn	Thời điểm tiếp nhận (Mục A) hoặc thôi việc (Mục B)	Thông tin ĐKHN tại cơ sở khác	Ghi chú
		ngày: 12/11/2024)		ngạch viên chức y tế điều dưỡng	theo quy chế bệnh viện)						
78	Hoàng Thị Thủy	Bằng Cao đẳng điều dưỡng cấp ngày 10/05/2023	000223/BG -GPHN cấp ngày 11/06/2024	Điều dưỡng	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Điều dưỡng	Không	HSCC - CSGN	01/5/2026 (QĐ 326/QĐ-BVUB ngày 29/4/2026	Không	người hành nghề mới
79	Tổng Thị Huyền Trang	Bằng tốt nghiệp trung cấp điều dưỡng cấp ngày 18/9/2015. Bằng cao đẳng điều dưỡng cấp ngày 04/02/2020	006586/BG -CCHN cấp ngày 17/11/2017	Quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y.	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Điều dưỡng	Không	HSCC- CSGN	01/5/2026 (QĐ 320/QĐ-BVUB ngày 29/4/2026)	Không	người hành nghề mới
80	Lưu Thị Thái	Bằng Bác sĩ y đa khoa (11/7/2013); Bằng tốt nghiệp Bs.CKI (Chẩn đoán hình ảnh) (30/12/2022); Chứng chỉ : Siêu âm sản phụ khoa cơ bản (2017); siêu âm tổng quát năm (03/11/2017);	004986/BG -CCHN cấp ngày 17/11/2021 ; QĐ bổ sung phạm vi hoạt động: 2818/QĐ-SYT, 17/11/2023	Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh (nội soi, siêu âm); chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Bác sĩ chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	Trưởng khoa	NS-TDCN	01/01/2017; Ngày 23/12/2016 QĐ số 25/QĐ-BVUB, ngày 01/01/2017	Khám chữa bệnh ngoài giờ tại Phòng khám chẩn đoán hình ảnh Nguyễn Hùng; thời gian từ 17h-19h các ngày trong tuần; T7,CN từ 8h-19h; Địa chỉ: SN 523, đường Lê Lợi,	

TT	Họ và tên	Văn bằng, chứng chỉ/ năm cấp	Số giấy phép hành nghề, ngày cấp	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở	Vị trí chuyên môn	Chức danh quản lý	Khoa, phòng, bộ phận chuyên môn	Thời điểm tiếp nhận (Mục A) hoặc thôi việc (Mục B)	Thông tin ĐKHN tại cơ sở khác	Ghi chú
		Chứng chỉ nội soi ống mềm đường tiêu hóa trên năm (16/8/2018), Chứng chỉ nội soi đại tràng năm (17/7/2020); Chứng chỉ siêu âm Doppler tim năm (15/8/2019); Chứng chỉ nội soi can thiệp đường tiêu hóa năm (03/8/2023)								phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh.	
81	Trần Văn Đạo	Bằng tốt nghiệp đại học năm (30/6/2019); Chứng chỉ nội soi tiêu hóa nâng cao năm (20/3/2024); Chứng chỉ nội soi tiêu hóa can thiệp năm (22/11/2024); Chứng chỉ siêu âm thực hành (30/6/2019)	0008037/Q NI-CCHN cấp ngày 24/8/2021	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Bác sĩ KB,CB chuyên khoa Ngoại	không	NS-TDCN	01/02/2023 (QĐ 25/QĐ-BVUB ngày 17/01/2023)	Khám chữa bệnh ngoài giờ tại Phòng khám đa khoa Bắc - Hà Medic; T7, CN từ 7h-17h; CN Địa chỉ: Lô 4, đường Hùng Vương, phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh	

TT	Họ và tên	Văn bằng, chứng chỉ/ năm cấp	Số giấy phép hành nghề, ngày cấp	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở	Vị trí chuyên môn	Chức danh quản lý	Khoa, phòng, bộ phận chuyên môn	Thời điểm tiếp nhận (Mục A) hoặc thôi việc (Mục B)	Thông tin ĐKHN tại cơ sở khác	Ghi chú
82	Nguyễn Văn Thịnh	Bằng Bsi Y đa khoa (15/7/2011); Bằng tốt nghiệp Bs.CKI (Chẩn đoán hình ảnh) năm (12/1/2024); Chứng chỉ: Siêu âm chẩn đoán (2015); siêu âm sản phụ khoa cơ bản năm(18/10/2017); Chứng chỉ điện tâm đồ năm (15/7/2020); Chứng chỉ nội soi dạ dày năm (12/9/2017); Chứng chỉ nội soi đại tràng năm(22/1/2019); Những kiến thức cơ bản trong chẩn đoán và điều trị bệnh ung thư vú và ung thư cổ tử cung (2019); Chẩn đoán hình ảnh (2024);	0005420/B G-CCHN; Bổ sung QĐ 3902/QĐ-SYT (10/12/2024)	Khám bệnh, chữa bệnh hệ Nội-Nhi, Bổ sung chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Bác sĩ KB, CB Nội-Nhi	không	NS-TDCN	01/01/2017; QĐ số 24/QĐ-BVUB, ngày 01/01/2017	Khám chữa bệnh ngoài giờ tại Phòng khám đa khoa tư nhân Thành Tâm; T7, CN từ 7h-17h; Địa chỉ: Phố 6, xã Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình	

TT	Họ và tên	Văn bằng, chứng chỉ/ năm cấp	Số giấy phép hành nghề, ngày cấp	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở	Vị trí chuyên môn	Chức danh quản lý	Khoa, phòng, bộ phận chuyên môn	Thời điểm tiếp nhận (Mục A) hoặc thôi việc (Mục B)	Thông tin ĐKHN tại cơ sở khác	Ghi chú
83	Trần Thị Nguyệt Thu	Bằng Bác sĩ y đa khoa (09/6/2017); Chứng chỉ siêu âm trong các bệnh lý ung bướu năm (15/12/2023), Chứng chỉ điện tâm đồ năm (28/7/2022); Chứng chỉ nội soi đường tiêu hóa trên năm (23/7/2024); Chứng chỉ định hướng chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh năm (05/7/2019);	008942/BG-CCHN cấp ngày 11/5/2023	Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Bác sĩ chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	không	NS-TDCN	14/7/2020; QĐ số 303/QĐ-BVUB Ngày 14/7/2020	Không	
84	Chu Thị Thu Trang	Bằng tốt nghiệp đại học năm (10/7/2018); Chứng chỉ chẩn đoán hình ảnh cơ bản năm (1/12/ 2021); Chứng chỉ siêu âm ổ bụng tổng quát năm (14/8/2019); chứng chỉ nội	000120/BG-GPHN cấp ngày 17/4/2024	Chuyên khoa Nội Ung bướu	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Bác sĩ Chuyên khoa Nội Ung bướu	không	NS-TDCN	06/7/2020 (QĐ 267/QĐ-BVUB ngày 03/7/2020)	Không	

TT	Họ và tên	Văn bằng, chứng chỉ/ năm cấp	Số giấy phép hành nghề, ngày cấp	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở	Vị trí chuyên môn	Chức danh quản lý	Khoa, phòng, bộ phận chuyên môn	Thời điểm tiếp nhận (Mục A) hoặc thôi việc (Mục B)	Thông tin ĐKHN tại cơ sở khác	Ghi chú
		soi đường tiêu hóa trên năm (7/7/2022); Chứng chỉ điện tâm đồ cơ bản (15/5/2024)									
85	Nguyễn Thị Hạnh	Bằng tốt nghiệp đại học năm (09/9/2009); Chứng chỉ Kỹ thuật nội soi dạ dày, tá tràng (phụ giúp bác sĩ) năm(04/7/ 2018)	002064/BG -CCHN cấp ngày 31/10/2013	Quy định tại QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng BNV về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Điều dưỡng	Điều dưỡng trưởng khoa	NS-TDCN	01/01/2017 (QĐ số 6642/QĐ-SYT ngày 23/12/2016)	Không	
86	Dương Minh Tú	Bằng cao đẳng điều dưỡng (10/7/2012) ; Chứng chỉ phụ giúp nội soi dạ dày tá tràng (17/6/2022);	001989/BG -CCHN cấp ngày 31/10/2013	Quy định tại QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng BNV về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Điều dưỡng	không	NS-TDCN	01/10/2020; QĐ số 496/QĐ-BVUB; ngày 29/9/2020	Không	
87	Lương Thị Hồng Vân	Bằng cao đẳng điều dưỡng năm 26/11/2020	005726/BG -CCHN cấp ngày 26/3/2016	Quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Điều dưỡng	không	NS-TDCN	01/12/2021; HĐLĐ số 83/HĐLĐ-BVUB, 10/12/2021	Không	

TT	Họ và tên	Văn bằng, chứng chỉ/ năm cấp	Số giấy phép hành nghề, ngày cấp	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở	Vị trí chuyên môn	Chức danh quản lý	Khoa, phòng, bộ phận chuyên môn	Thời điểm tiếp nhận (Mục A) hoặc thôi việc (Mục B)	Thông tin ĐKHN tại cơ sở khác	Ghi chú
88	Phạm Thị Ngọc	Bằng Cử nhân điều dưỡng (05/1/2021)	000049/BG -CCHN cấp ngày 06/10/2022	Quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Điều dưỡng	không	NS-TDCN	01/12/2022; QĐ số 685/QĐ-BVUB; Ngày 30/11/2022	Không	
89	Nguyễn Thị Duyên	Bằng điều dưỡng trung học (2003); Đại học điều dưỡng (2020); tốt nghiệp đại học năm ; chứng chỉ: Xét nghiệm sinh hoá (2006); Xét nghiệm huyết học cơ bản (2015) Kỹ thuật nội soi dạ dày trá tràng (phụ giúp bác sĩ) 04/7/2018	002076/BG -CCHN cấp ngày 26/10/2021	Quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Điều dưỡng	không	NS-TDCN	01/01/2017; QĐ số 26/QĐ-BVUB, ngày 01/01/2017	Không	
90	Nguyễn Thị Ngọc	Bằng trung cấp điều dưỡng (2015); cao đẳng điều dưỡng (12/11/2019); Đại học điều dưỡng (12/11/2024);	005867/BG -CCHN cấp ngày 29/10/2021	Quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Điều dưỡng	không	NS-TDCN	01/01/2017; QĐ số 90/QĐ-BVUB, ngày 01/01/2017	Không	

TT	Họ và tên	Văn bằng, chứng chỉ/ năm cấp	Số giấy phép hành nghề, ngày cấp	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở	Vị trí chuyên môn	Chức danh quản lý	Khoa, phòng, bộ phận chuyên môn	Thời điểm tiếp nhận (Mục A) hoặc thôi việc (Mục B)	Thông tin ĐKHN tại cơ sở khác	Ghi chú
		Chứng chỉ trợ giúp nội soi ống mềm đường tiêu hóa trên 06/9/2018									
91	Trần Thị Huyền	Điều dưỡng trung học (19/11/2005); Bằng Cử nhân điều dưỡng (17/5/2016); Chứng nhận kỹ thuật TDCN và phục hồi chức năng hô hấp (10/6/2009); Chứng chỉ phụ giúp nội soi dạ dày tá tràng năm (17/6/2022)	0003205/B G-CCHN cấp ngày 26/10/2021	Quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Điều dưỡng	không	NS-TDCN	01/6/2019; QĐ số 167/QĐ-BVUB Ngày 30/5/2019	Không	
92	Nguyễn Thị Thanh Huyền	Bằng tốt nghiệp Đại học năm 2005. Bằng chuyên khoa cấp 2 Ung Thư 29/12/2023 chứng chỉ điện tim 21/6/2016, chứng chỉ soi chẩn đoán, điều trị tổn thương cổ	002231/BG -CCHN ngày 26/10/2021	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ung bướu	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ung bướu	Trưởng khoa	Nội 1	01/01/2017 (QĐ 41/QĐ-BVUB ngày 01/01/2017)	Không	

TT	Họ và tên	Văn bằng, chứng chỉ/ năm cấp	Số giấy phép hành nghề, ngày cấp	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở	Vị trí chuyên môn	Chức danh quản lý	Khoa, phòng, bộ phận chuyên môn	Thời điểm tiếp nhận (Mục A) hoặc thôi việc (Mục B)	Thông tin ĐKHN tại cơ sở khác	Ghi chú
		tử cung 18/7/2018									
93	Nguyễn Minh Cảnh	Bằng tốt nghiệp Đại học năm 25/9/2007. Bằng chuyên khoa cấp 1, Nội khoa, cấp ngày 11/3/2015, chứng chỉ định hướng chuyên khoa ung thư 19/12/2018, chứng nhận đào tạo liên tục kỹ thuật chụp, đọc phim x quang cơ bản 18/8/2015, chứng chỉ điện tim cơ bản 15/7/2014, chứng chỉ siêu âm tổng quát 13/10/2009	0003073/B G-CCHN ngày 24/11/2014	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; Chuyên khoa Nội ung bướu bổ sung QĐ số 1186/QĐ-SYT (13/8/2018)	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Bác sĩ khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; chuyên khoa Nội Ung bướu	Phó Trưởng khoa	Nội 1	01/01/2017 (QĐ 59/QĐ-BVUB ngày 01/01/2017)	Không	
94	Nguyễn Hoàng Uyên	Bằng tốt nghiệp Đại học năm 2019. Chứng chỉ điện tim cơ bản cấp ngày 28/07/2022	008735/BG -CCHN cấp ngày 06/12/2022	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Ung bướu	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Bác sĩ khám bệnh, chữa bệnh Nội Ung bướu	không	Nội 1	06/7/2020 (QĐ 269/QĐ-BVUB ngày 03/7/2020)	Không	

TT	Họ và tên	Văn bằng, chứng chỉ/ năm cấp	Số giấy phép hành nghề, ngày cấp	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở	Vị trí chuyên môn	Chức danh quản lý	Khoa, phòng, bộ phận chuyên môn	Thời điểm tiếp nhận (Mục A) hoặc thôi việc (Mục B)	Thông tin ĐKHN tại cơ sở khác	Ghi chú
95	Trần Thị Chính	Bằng tốt nghiệp Bác sỹ ngành y đa khoa năm 2017 (Cấp ngày 09/06/2017). Bằng chuyên khoa cấp I Ung thư (Cấp ngày 01/11/2024), Chứng chỉ điện tâm đồ (Cấp ngày 28/07/2022)	007743/BG -CCHN, Cấp ngày 31/08/2020 ; Bổ sung QĐ 670/QĐ-SYT ngày 16/9/2025	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; Chuyên khoa ung bướu	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Bác sĩ thực hiện khám bệnh, chữa bệnh Ung thư	không	Nội 1	06/7/2020 (QĐ 266/QĐ-BVUB ngày 03/07/2020)	Không	
96	Nguyễn Thị Thùy Linh	Bằng tốt nghiệp Đại học năm 2020. Chứng chỉ điện tim cơ bản cấp ngày 28/07/2022	009010/BG -CCHN cấp ngày 16/06/2023	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Ung bướu	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Bác sĩ khám bệnh, chữa bệnh Nội Ung bướu	không	Nội 1	21/5/2021 (QĐ 226/QĐ-BVUB ngày 21/5/2021)	Không	
97	Nguyễn Văn Duy	Bằng tốt nghiệp đại học năm 2021	000673/BN -GPHN cấp ngày 05/9/2025	Khám bệnh, chữa bệnh Y khoa	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Bác sĩ khám bệnh Y khoa	không	Nội 1	01/02/2023 (QĐ 32/QĐ-BVUB ngày 18/01/2023)	Không	
98	Vũ Thị Hồng	Bằng bác sĩ nội trú Ung thư (2025); Bằng chuyên khoa cấp I Ung thư	000801/BG -GPHN cấp ngày 11/4/2025	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ung thư	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên	không	Nội 1	01/02/2023 (QĐ 33/QĐ-BVUB ngày 18/01/2023)	Không	

TT	Họ và tên	Văn bằng, chứng chỉ/ năm cấp	Số giấy phép hành nghề, ngày cấp	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở	Vị trí chuyên môn	Chức danh quản lý	Khoa, phòng, bộ phận chuyên môn	Thời điểm tiếp nhận (Mục A) hoặc thôi việc (Mục B)	Thông tin ĐKHN tại cơ sở khác	Ghi chú
		(2025); Bằng bác sĩ y khoa (2021)			theo quy chế bệnh viện)	khoa Ung thư					
99	Hoàng Thị Trà My	Bằng bác sĩ nội trú Ung thư (2025); Bằng chuyên khoa cấp I Ung thư (2025); Bằng bác sĩ y khoa (2021)	000756/BG-GPHN cấp ngày 31/3/2025	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ung thư	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ung thư	không	Nội 1	01/02/2023 (QĐ 35/QĐ-BVUB ngày 18/01/2023)	Không	
100	Nguyễn Tuyết Mai	Bằng Cử nhân điều dưỡng cấp ngày 17/01/2020	005866/BG-CCHN ngày 26/10/2021	Quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Điều dưỡng	Điều dưỡng trưởng khoa	Nội 1	01/01/2017 (QĐ 72/QĐ-BVUB ngày 01/01/2017)	Không	
101	Phạm Thị Loan	Bằng Cử nhân điều dưỡng cấp ngày 15/07/2009	002072/BG-CCHN ngày 31/10/2013	Quy định tại QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng BNV về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Điều dưỡng	không	Nội 1	01/01/2017 (QĐ 69/QĐ-BVUB ngày 01/01/2017)	Không	
102	Thân Thị Tuyền	Bằng Cử nhân điều dưỡng cấp ngày 17/01/2020	002046/BG-CCHN, ngày cấp 29/10/2021	Quy định tại QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng BNV về việc ban hành tiêu	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ	Điều dưỡng	không	Nội 1	01/01/2017 (QĐ 68/QĐ-BVUB ngày 01/01/2017)	Không	

TT	Họ và tên	Văn bằng, chứng chỉ/ năm cấp	Số giấy phép hành nghề, ngày cấp	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở	Vị trí chuyên môn	Chức danh quản lý	Khoa, phòng, bộ phận chuyên môn	Thời điểm tiếp nhận (Mục A) hoặc thôi việc (Mục B)	Thông tin ĐKHN tại cơ sở khác	Ghi chú
				chuẩn nghiệp vụ các ngành viên chức y tế điều dưỡng	theo quy chế bệnh viện)						
103	Nguyễn Thu Hiền	Bằng Cao đẳng Điều dưỡng cấp ngày 17/09/2018	007402/BG-CCHN ngày 18/10/2019	Quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Điều dưỡng	không	Nội 1	01/02/2020 (HĐ 18/HĐLĐ-BVUB ngày 03/02/2020)	Không	
104	Nguyễn Thị Thu Hiền	Bằng Cao đẳng Điều dưỡng cấp ngày 15/10/2021	008846/BG-CCHN ngày 14/03/2023	Quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Điều dưỡng	không	Nội 1	16/5/2023 (QĐ 305/QĐ-BVUB ngày 12/05/2023)	Không	
105	Lương Thị Quỳnh Hoa	Bằng tốt nghiệp Cao đẳng Điều dưỡng, cấp bằng 04/02/2020	000390/BG-CCHN ngày 29/10/2021	Quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Điều dưỡng	không	Nội 1	01/01/2021 (QĐ 666/QĐ-BVUB ngày 31/12/2020)	Không	
106	Trần Thị Ngọc Ánh	Bằng tốt nghiệp Cao đẳng Điều dưỡng năm (2018); Đại học	007506/BG-CCHN ngày 20/01/2020	Quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ	Điều dưỡng	không	Nội 1	01/12/2022 (QĐ 693/QĐ-BVUB ngày 30/11/2022)	Không	

TT	Họ và tên	Văn bằng, chứng chỉ/ năm cấp	Số giấy phép hành nghề, ngày cấp	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở	Vị trí chuyên môn	Chức danh quản lý	Khoa, phòng, bộ phận chuyên môn	Thời điểm tiếp nhận (Mục A) hoặc thôi việc (Mục B)	Thông tin ĐKHN tại cơ sở khác	Ghi chú
		điều dưỡng (11/12/2024)		chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	theo quy chế bệnh viện)						
107	Nguyễn Thị Duyên	Bằng cử nhân Điều dưỡng năm 2018	042533/BYT-CCHN ngày 13/4/2020	Quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Điều dưỡng	không	Nội 1	01/12/2022 (QĐ 695/QĐ-BVUB ngày 30/11/2022)	Không	
108	Vũ Thị Uyên	Bằng Trung cấp y (2010); Đại học chuyên ngành điều dưỡng (2020)	008710/BG-CCHN cấp ngày 29/11/2022	Quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Điều dưỡng	không	Nội 1	03/9/2020 (QĐ 440/QĐ-BVUB ngày 03/9/2020)	Không	
109	Lê Thị Thu Uyên	Bằng tốt nghiệp Cao Đẳng Điều Dưỡng; Ngày cấp: 16/09/2019	007694/BG-CCHN; Ngày cấp 22/07/2020	Quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Điều dưỡng	không	Nội 1	01/4/2024 (QĐ 200/QĐ-BVUB ngày 18/3/2024)	Không	
110	Ân Thị Hải Yến	Bằng Cao đẳng điều dưỡng (2015)	005554/TN-G-CCHN cấp ngày 31/12/2017	Quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ	Điều dưỡng	không	Nội 1	16/01/2026 (QĐ 53/QĐ-BVUB ngày 12/01/2026)	Không	

TT	Họ và tên	Văn bằng, chứng chỉ/ năm cấp	Số giấy phép hành nghề, ngày cấp	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở	Vị trí chuyên môn	Chức danh quản lý	Khoa, phòng, bộ phận chuyên môn	Thời điểm tiếp nhận (Mục A) hoặc thôi việc (Mục B)	Thông tin ĐKHN tại cơ sở khác	Ghi chú
				chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	theo quy chế bệnh viện)						
111	Đoàn Kim Ánh	Bằng cao đẳng điều dưỡng (cấp ngày 9/12/2022)	005478/BG -CCHN cấp ngày 10/6/2016	Quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Điều dưỡng	Không	Nội 1	01/5/2026 (QĐ 297/QĐ-BVUB ngày 29/4/2026)	Không	người hành nghề mới
112	Vũ Thị Thu Phương	Bằng tốt nghiệp Trung cấp Điều Dưỡng (21/11/2013); Bằng đại học điều dưỡng (13/02/2025)	008777/BG -CCHN cấp ngày 18/01/2023	Quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Điều dưỡng	Không	Nội 1	01/5/2026 (QĐ 314/QĐ-BVUB ngày 29/4/2026)	Không	người hành nghề mới
113	Trần Lan Anh	Bằng tốt nghiệp Trung cấp điều dưỡng cấp ngày 16/09/2016. Bằng đại học điều dưỡng (11/4/2025)	006658/BG -CCHN cấp ngày 12/01/2018	Quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Điều dưỡng	Không	Nội 1	01/5/2026 (QĐ 300/QĐ-BVUB ngày 29/4/2026)	Không	người hành nghề mới
114	Đỗ Thị Minh Tâm	Bằng Cử nhân điều dưỡng cấp ngày 04/7/2023	000570/BG -GPHN cấp ngày 10/12/2024	Điều dưỡng	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và	Điều dưỡng	Không	Nội 1	01/5/2026 (QĐ 324/QĐ-	Không	người hành nghề mới

TT	Họ và tên	Văn bằng, chứng chỉ/ năm cấp	Số giấy phép hành nghề, ngày cấp	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở	Vị trí chuyên môn	Chức danh quản lý	Khoa, phòng, bộ phận chuyên môn	Thời điểm tiếp nhận (Mục A) hoặc thôi việc (Mục B)	Thông tin ĐKHN tại cơ sở khác	Ghi chú
					làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)				BVUB ngày 29/4/2026)		
115	Vương Hải Hà	Bằng tốt nghiệp Bác sỹ đa khoa cấp ngày 07/07/2015, bằng chuyên khoa cấp I cấp ngày 09/10/2019, chứng chỉ điện tim cấp ngày 21/06/2016	008736/BG -CCHN cấp ngày 06/12/2022	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ung bướu	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Bác sỹ khám, chữa bệnh chuyên khoa Ung bướu	Trưởng khoa	Nội 2	01/01/2017 (QĐ 60/QĐ-BVUB ngày 01/01/2017)	Không	
116	Bùi Thị Nhạn	Bằng tốt nghiệp Bác sỹ đa khoa cấp năm 2012, bằng chuyên khoa cấp I cấp năm 2020, chứng chỉ điện tim cấp năm 2017	002839/BG - CCHN cấp ngày 21/01/2019	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Ung bướu	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Bác sỹ khám, chữa bệnh chuyên khoa Nội ung bướu	Phó Trưởng khoa	Nội 2	01/01/2017 (QĐ 62/QĐ-BVUB ngày 01/01/2017)	Không	
117	Nguyễn Minh Ngọc	Bằng đại học Bác sỹ đa khoa cấp 23/7/2020; Chứng chỉ điện tâm đồ cấp ngày 28/7/2022	008940/BG -CCHN cấp ngày 11/05/2023	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Ung bướu	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Bác sỹ khám, chữa bệnh chuyên khoa Nội ung bướu	không	Nội 2	21/5/2021 (QĐ 225/QĐ-BVUB ngày 21/5/2021)	Không	

TT	Họ và tên	Văn bằng, chứng chỉ/ năm cấp	Số giấy phép hành nghề, ngày cấp	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở	Vị trí chuyên môn	Chức danh quản lý	Khoa, phòng, bộ phận chuyên môn	Thời điểm tiếp nhận (Mục A) hoặc thôi việc (Mục B)	Thông tin ĐKHN tại cơ sở khác	Ghi chú
118	Lương Thị Thu Loan	Bằng đại học Bác sĩ Y khoa cấp 19/6/2019	000520/BG-GPHN cấp ngày 07/11/2024	Chuyên khoa Nội Ung bướu	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Bác sĩ khám, chữa bệnh chuyên khoa Nội ung bướu	không	Nội 2	01/7/2022 (QĐ 382/QĐ-BVUB ngày 29/6/2022)	Không	
119	Hoàng Thị Lan Anh	Bằng Cử nhân Điều dưỡng cấp ngày 16/07/2015	0058631/B G-CCHN cấp ngày 29/10/2021	Quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Điều dưỡng	Điều dưỡng trưởng khoa	Nội 2	01/01/2017 (QĐ 65/QĐ-BVUB ngày 01/01/2017)	Không	
120	Hoàng Thị Thu	Bằng cao đẳng điều dưỡng cấp ngày 12/11/2019. Bằng Cử nhân điều dưỡng cấp ngày 12/11/2024	005948/BG-CCHN cấp ngày 30/12/2016	Quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Điều dưỡng	không	Nội 2	10/3/2022 (QĐ 115/QĐ-BVUB ngày 09/3/2022)	Không	
121	Cao Phan Thu Hường	Bằng cao đẳng điều dưỡng cấp ngày 24/03/2020. Bằng Cử nhân điều dưỡng cấp ngày 12/11/2024	0002922/B G- CCHN cấp ngày 26/10/2021	Quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Điều dưỡng	không	Nội 2	01/01/2017 (QĐ 63/QĐ-BVUB ngày 01/01/2017)	Không	

TT	Họ và tên	Văn bằng, chứng chỉ/ năm cấp	Số giấy phép hành nghề, ngày cấp	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở	Vị trí chuyên môn	Chức danh quản lý	Khoa, phòng, bộ phận chuyên môn	Thời điểm tiếp nhận (Mục A) hoặc thôi việc (Mục B)	Thông tin ĐKHN tại cơ sở khác	Ghi chú
122	Đỗ Thị Mai	Bằng cao đẳng điều dưỡng cấp ngày 12/11/2019. Bằng Cử nhân điều dưỡng cấp ngày 12/11/2024	0002923/BG-CCHN cấp ngày 26/10/2021	Quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Điều dưỡng	không	Nội 2	01/01/2017 (QĐ 67/QĐ-BVUB ngày 01/01/2017)	Không	
123	Nguyễn Minh Hòa	Bằng Cử nhân Điều dưỡng cấp ngày 20/08/2020	008711/BG-CCHN cấp ngày 29/11/2022	Quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Điều dưỡng	không	Nội 2	12/7/2021 (QĐ 346/QĐ-BVUB ngày 10/8/2021)	Không	
124	Nguyễn Thị Hương	Bằng cao đẳng điều dưỡng cấp ngày 15/08/2012. Bằng Cử nhân điều dưỡng cấp ngày 12/11/2024	007991/BG-CCHN cấp ngày 31/03/2021	Quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Điều dưỡng	không	Nội 2	21/5/2021 (QĐ 240/QĐ-BVUB ngày 21/5/2021)	Không	
125	Phạm Hương Giang	Bằng Cao đẳng Điều dưỡng cấp ngày 20/07/2016	006833/TB-CCHN cấp ngày 27/12/2017	Quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Điều dưỡng	không	Nội 2	01/9/2020 (HĐ 63/HĐLĐ-BVUB ngày 07/09/2020)	Không	

TT	Họ và tên	Văn bằng, chứng chỉ/ năm cấp	Số giấy phép hành nghề, ngày cấp	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở	Vị trí chuyên môn	Chức danh quản lý	Khoa, phòng, bộ phận chuyên môn	Thời điểm tiếp nhận (Mục A) hoặc thôi việc (Mục B)	Thông tin ĐKHN tại cơ sở khác	Ghi chú
126	Ngô Thị Hà	Bằng Cử nhân Điều dưỡng cấp ngày 01/07/2014	006800/BG-CCHN cấp ngày 13/04/2018	Quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Điều dưỡng	không	Nội 2	01/9/2024 (QĐ 696/QĐ-BVUB ngày 26/8/2024)	Không	
127	Nguyễn Thị Uyên	Bằng Cao đẳng điều dưỡng(26/11/2020)	007289/BG-CCHN cấp ngày 19/07/2019	Quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Điều dưỡng	không	Nội 2	01/5/2026 (QĐ 301/QĐ-BVUB ngày 29/4/2026)	Không	người hành nghề mới
128	Đặng Hữu Thái	Bằng tốt nghiệp cử nhân điều dưỡng cao đẳng cấp ngày 27/12/2021	008662/BG-CCHN cấp ngày 03/11/2022	Quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Điều dưỡng	không	Nội 2	01/5/2026 (QĐ 293/QĐ-BVUB ngày 29/4/2026)	Không	người hành nghề mới
129	Bùi Thảo Yến	Bằng Cao đẳng Điều dưỡng cấp ngày 09/09/2022	009124/BG-CCHN cấp ngày 21/08/2023	Quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Điều dưỡng	không	Nội 2	01/5/2026 (QĐ 302/QĐ-BVUB ngày 29/4/2026)	Không	người hành nghề mới

TT	Họ và tên	Văn bằng, chứng chỉ/ năm cấp	Số giấy phép hành nghề, ngày cấp	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở	Vị trí chuyên môn	Chức danh quản lý	Khoa, phòng, bộ phận chuyên môn	Thời điểm tiếp nhận (Mục A) hoặc thôi việc (Mục B)	Thông tin ĐKHN tại cơ sở khác	Ghi chú
130	Thân Thị Thu Hường	Bằng trung cấp Điều dưỡng (cấp ngày 25/09/2018) Bằng đại học Điều dưỡng (cấp ngày 15/12/2023)	007441/BG -CCHN cấp ngày 26/11/2019	Quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Điều Dưỡng	Không	Nội 2	01/5/2026 (QĐ 312/QĐ-BVUB ngày 29/4/2026)	Không	người hành nghề mới
131	Nguyễn Văn Dũng	Bằng đại học Bác sỹ đa khoa(Cấp ngày 29/8/2005); Bằng CKI CDHA (cấp ngày 24/10/2016), Chứng nhận Siêu âm chẩn đoán trong sản phụ khoa (cấp ngày 02/7/2007); Chứng nhận Đọc điện tim (cấp ngày 18/5/2012); Chứng nhận Siêu âm tim (cấp ngày 23/10/2008); Chứng chỉ: Điện quang và siêu	002107/BG -CCHN cấp ngày 31/10/2013 ; Bổ sung QĐ số 431/QĐ-SYT (29/3/2017)	Chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh (siêu âm, điện tim); Chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Bác sĩ chuyên khoa CDHA	Trưởng khoa	CDHA	01/01/2017 (QĐ 6642/QĐ-SYT ngày 23/12/2016)	Không	

TT	Họ và tên	Văn bằng, chứng chỉ/ năm cấp	Số giấy phép hành nghề, ngày cấp	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở	Vị trí chuyên môn	Chức danh quản lý	Khoa, phòng, bộ phận chuyên môn	Thời điểm tiếp nhận (Mục A) hoặc thôi việc (Mục B)	Thông tin ĐKHN tại cơ sở khác	Ghi chú
		âm can thiệp (cấp ngày 11/12/2019).									
132	Nguyễn Văn Huy	Bằng đại học Bác sỹ đa khoa(Cấp ngày 08/08/2011). Chứng chỉ chuyên khoa định hướng CDHA (Cấp ngày 29/12/2011). Chứng chỉ đọc CT. Scanner và Xquang vú(cấp ngày 12/12/2018). Chứng chỉ đọc PET/SPECT(cấp ngày 06/09/2019). Bằng chuyên khoa I CDHA (cấp ngày 15/12/2023).	002095/BG -CCHN (ngày cấp 31/10/2013)	Chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Bác sĩ chuyên khoa CDHA	Phó Trưởng khoa	CDHA	01/01/2017 (QĐ 6642/QĐ-SYT ngày 23/12/2016)	Khám chữa bệnh ngoài giờ tại Phòng khám Nội Ung bướu Hà Nội; thời gian T7, CN từ 7h-16h30'; Địa chỉ: Phố Thành Hưng, Thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam	
133	Nguyễn Thị Anh	Bằng đại học Bác sỹ đa khoa (Cấp ngày 26/8/2006). Bằng CKI chuyên ngành	001862/BG -CCHN cấp ngày 31/10/2013 ; Bỏ sung QĐ số	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội; Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ	Khám chữa bệnh nội khoa và chẩn	Phó Trưởng khoa	CDHA	25/12/2018 (QĐ 431/QĐ-BVUB ngày 21/12/2018)	Khám chữa bệnh ngoài giờ tại Phòng khám Nội TH Xuyên Anh; thời gian từ	

TT	Họ và tên	Văn bằng, chứng chỉ/ năm cấp	Số giấy phép hành nghề, ngày cấp	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở	Vị trí chuyên môn	Chức danh quản lý	Khoa, phòng, bộ phận chuyên môn	Thời điểm tiếp nhận (Mục A) hoặc thôi việc (Mục B)	Thông tin ĐKHN tại cơ sở khác	Ghi chú
		Nội khoa (Cấp ngày 24/10/2016). Chứng chỉ định hướng Chẩn đoán hình ảnh (Cấp ngày 03/07/2014). Chứng chỉ can thiệp dưới hướng dẫn siêu âm (Cấp ngày 24/03/2020). Chứng chỉ kỹ thuật chụp và đọc phim CLVT cơ bản (cấp ngày 18/02/2023). Chứng chỉ MRI tổng quát chẩn đoán các bệnh lý thường gặp (Cấp ngày 25/07/2023).	397/QĐ-SYT (26/02/2019)		theo quy chế bệnh viện)	đoán hình ảnh				17h-21h các ngày trong tuần; T7,CN từ 7h-21h; Địa chỉ: Cầu Treo, Minh Đức, Việt Yên	
134	Đào Thị Diệu	Bằng đại học Bác sỹ đa khoa (Cấp ngày 31/7/2008). Bằng CKI chuyên ngành Nội khoa (Cấp	002103/BG-CCHN cấp ngày 31/10/2013	Khám bệnh, chữa bệnh hệ Nội-Nhi	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Khám bệnh, chữa bệnh hệ Nội - Nhi và Chẩn	Phó phòng	CĐHA	01/01/2017 (QĐ 6642/QĐ-SYT ngày 23/12/2016)	Khám chữa bệnh ngoài giờ tại Phòng khám đa khoa Bảo Minh; thời gian T7, CN từ 7h-17h; Địa	

TT	Họ và tên	Văn bằng, chứng chỉ/ năm cấp	Số giấy phép hành nghề, ngày cấp	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở	Vị trí chuyên môn	Chức danh quản lý	Khoa, phòng, bộ phận chuyên môn	Thời điểm tiếp nhận (Mục A) hoặc thôi việc (Mục B)	Thông tin ĐKHN tại cơ sở khác	Ghi chú
		ngày 03/10/2018). Chứng chỉ Chẩn đoán hình ảnh cơ bản (Cấp ngày 16/12/2020). Chứng chỉ siêu âm tổng quát (Cấp ngày 10/8/2017). Chứng chỉ siêu âm Doppler mạch máu (Cấp ngày 25/8/2022). Chứng chỉ Siêu âm trong các bệnh lý ung bướu (chẩn đoán và can thiệp cấp ngày 08/11/2024). Chứng chỉ Siêu âm Doppler tim (Cấp ngày 15/08/2019). Chứng nhận Hồi sức cấp cứu cơ bản (Cấp ngày 10/01/2014). Chứng nhận đọc				đoán hình ảnh				chỉ: 4C - Minh Khai - phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh	

TT	Họ và tên	Văn bằng, chứng chỉ/ năm cấp	Số giấy phép hành nghề, ngày cấp	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở	Vị trí chuyên môn	Chức danh quản lý	Khoa, phòng, bộ phận chuyên môn	Thời điểm tiếp nhận (Mục A) hoặc thôi việc (Mục B)	Thông tin ĐKHN tại cơ sở khác	Ghi chú
		điện tâm đồ (Cấp ngày 26/6/2013)									
135	Phan Thị Thanh Thủy	Bằng đại học Bác sỹ ngành y đa khoa(Cấp ngày 23/06/2016). Chứng chỉ định hướng chuyên khoa CĐHA (Cấp ngày 20/08/2018). Chứng chỉ Chẩn đoán hình ảnh bằng cắt lớp vi tính(cấp ngày 12/12/2018). Chứng chỉ Cộng hưởng từ tổng quát chẩn đoán các bệnh lý thường gặp(cấp ngày 21/02/2023)	007522/BG -CCHN cấp ngày 17/02/2020	Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Chuyên khoa CĐHA	không	CĐHA	14/7/2020 (QĐ 304/QĐ-BVUB ngày 14/07/2020)	Khám chữa bệnh ngoài giờ tại Phòng khám đa khoa Bảo Sơn; Thời gian T7, CN từ 7h-17h; Địa chỉ: Xã Bảo Đài, tỉnh Bắc Ninh	
136	Nguyễn Trung Anh	Bằng đại học Bác sỹ y khoa (Cấp ngày 25/03/2022); Chứng chỉ phẫu thuật tiêu hóa cơ bản (Cấp ngày	000069/BG -GPHN cấp ngày 16/03/2024	Chuyên khoa Ngoại Ung bướu	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Bác sĩ KB,CB chuyên khoa Ngoại Ung bướu và	không	CĐHA	01/02/2023 (QĐ 28/QĐ-BVUB ngày 18/01/2023)	Không	

TT	Họ và tên	Văn bằng, chứng chỉ/ năm cấp	Số giấy phép hành nghề, ngày cấp	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở	Vị trí chuyên môn	Chức danh quản lý	Khoa, phòng, bộ phận chuyên môn	Thời điểm tiếp nhận (Mục A) hoặc thôi việc (Mục B)	Thông tin ĐKHN tại cơ sở khác	Ghi chú
		10/01/2023); Chứng chỉ Định hướng chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh (Cấp ngày 20/05/2025)				Chẩn đoán hình ảnh					
137	Tổng Thành Huy	Bằng trung học y tế: chuyên ngành điều dưỡng (cấp ngày 20/05/2004); Chứng nhận học chuyên ngành sơ bộ: Kỹ thuật viên X-quang (cấp ngày 23/09/2009); Bằng cử nhân điều dưỡng (cấp ngày 01/09/2016); Chứng chỉ Kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính (cấp ngày 14/08/2020)	002065/BG -CCHN cấp ngày 31/10/2013	Kỹ thuật viên chụp X-Quang	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Kỹ thuật Y	Kỹ thuật viên trưởng khoa	CĐHA	01/01/2017 (QĐ 28/QĐ-BVUB ngày 01/01/2017)	Không	
138	Ngô Văn Dũng	Bằng cao đẳng điều dưỡng (cấp ngày 12/11/2019); Bằng Cử nhân	002063/BG -CCHN (ngày cấp 31/10/2013)	Kỹ thuật viên chụp X-Quang	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ	Kỹ thuật Y	không	CĐHA	01/01/2017 (QĐ 29/QĐ-BVUB ngày 01/01/2017)	Không	

TT	Họ và tên	Văn bằng, chứng chỉ/ năm cấp	Số giấy phép hành nghề, ngày cấp	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở	Vị trí chuyên môn	Chức danh quản lý	Khoa, phòng, bộ phận chuyên môn	Thời điểm tiếp nhận (Mục A) hoặc thôi việc (Mục B)	Thông tin ĐKHN tại cơ sở khác	Ghi chú
		điều dưỡng (cấp ngày 12/11/2024); Chứng nhận học chuyên ngành sơ bộ: Kỹ thuật viên X-Quang (cấp ngày 13/01/2009) ; Chứng chỉ Kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính (cấp ngày 28/8/2017); Chứng chỉ: Điện quang và siêu âm can thiệp (cấp ngày 11/12/2019.			theo quy chế bệnh viện)						
139	Phùng Văn Tuy	Bằng cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học (cấp ngày 18/04/2017); Chứng chỉ kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính (cấp ngày 12/01/2015)	002949/BG -CCHN cấp ngày 17/12/2018	Kỹ thuật viên X-Quang	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Kỹ thuật Y	không	CĐHA	15/4/2024 (QĐ 271/QĐ-BVUB ngày 05/04/2024)	Không	
140	Đỗ Văn Thắng	Bằng cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học (cấp ngày 30/06/2022)	008921/BG -CCHN (ngày cấp 24/4/2023)	Kỹ thuật viên Chẩn đoán hình ảnh	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và	Kỹ thuật Y	không	CĐHA	06/5/2024 (QĐ 357/QĐ-	Không	

TT	Họ và tên	Văn bằng, chứng chỉ/ năm cấp	Số giấy phép hành nghề, ngày cấp	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở	Vị trí chuyên môn	Chức danh quản lý	Khoa, phòng, bộ phận chuyên môn	Thời điểm tiếp nhận (Mục A) hoặc thôi việc (Mục B)	Thông tin ĐKHN tại cơ sở khác	Ghi chú
					làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)				BVUB ngày 06/05/2024)		
141	Vũ Thị Linh	Bằng cao đẳng kỹ thuật hình ảnh y học (cấp ngày 15/09/2022)	009159/BG-CCHN (cấp ngày 13/09/2023)	Kỹ thuật viên Chẩn đoán hình ảnh	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Kỹ thuật Y	không	CĐHA	01/4/2024 (QĐ 199/QĐ-BVUB ngày 18/03/2024)	Không	
142	Chu Thị Thu Phương	Bằng cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học (cấp ngày 30/06/2022)	000011/BG-GPHN (ngày cấp 25/01/2024)	Hình ảnh y học	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Kỹ thuật Y	không	CĐHA	01/12/2022 (QĐ 683/QĐ-BVUB ngày 30/11/2022)	Không	
143	Nguyễn Văn Vĩnh	Bằng tốt nghiệp cao đẳng cấp ngày 10/05/2023, chứng nhận kỹ thuật chụp Xquang cấp ngày 25/12/2015	0005148/BG-CCHN ngày cấp 14/03/2016	Quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Điều dưỡng	không	CĐHA	01/8/2020 (HĐ 53/HĐLĐ-BVUB ngày 10/8/2020)	Không	
144	Hoàng Văn Hiếu	Bằng cao đẳng kỹ thuật hình ảnh y học (21/11/2013); Bằng đại học kỹ thuật hình ảnh y học (11/3/2026)	007204/BG-CCHN cấp ngày 21/5/2019	Kỹ thuật viên Chẩn đoán hình ảnh	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Kỹ thuật Y	không	CĐHA	01/5/2026 (QĐ 316/QĐ-BVUB ngày 29/4/2026)	Không	người hành nghề mới

TT	Họ và tên	Văn bằng, chứng chỉ/ năm cấp	Số giấy phép hành nghề, ngày cấp	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở	Vị trí chuyên môn	Chức danh quản lý	Khoa, phòng, bộ phận chuyên môn	Thời điểm tiếp nhận (Mục A) hoặc thôi việc (Mục B)	Thông tin ĐKHN tại cơ sở khác	Ghi chú
145	Trần Thị Thu Hương	Bằng chuyên khoa cấp I chuyên ngành Điều dưỡng cấp ngày 30/9/2015; Bằng Cử nhân Điều dưỡng cấp ngày 08/10/2010	002060/BG-CCHN ngày cấp 31/10/2013	Quy định tại QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng BNV về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Điều dưỡng	Trưởng phòng	Điều dưỡng	01/01/2017 (QĐ 6642/QĐ-SYT ngày 23/12/2016)	Không	
146	Lương Thị Cúc	Bằng Cử nhân Điều dưỡng cấp ngày 12/10/2020	001468/BG-CCHN ngày cấp 26/10/2021	Quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Điều dưỡng	Điều dưỡng trưởng khoa	KSNK	01/01/2017 (QĐ 84/QĐ-BVUB ngày 01/01/2017)	Không	
147	Khúc Thị Hằng	Bằng tốt nghiệp Đại học cử nhân Điều dưỡng cấp ngày 26/4/2011	0002521/BG-CCHN cấp ngày 25/12/2013	Quy định tại QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng BNV về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Điều dưỡng	không	Điều dưỡng	01/01/2017 (QĐ 93/QĐ-BVUB ngày 01/01/2017)	Không	
148	Hoàng Văn Khuê	Bằng tốt nghiệp Đại học cử nhân Điều dưỡng cấp ngày 15/7/2009	0002773/BG-CCHN cấp ngày 11/7/2014	Quy định tại QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng BNV về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Điều dưỡng	Trưởng khoa	KSNK	01/01/2017 (QĐ 94a/QĐ-BVUB ngày 01/01/2017)	Không	

TT	Họ và tên	Văn bằng, chứng chỉ/ năm cấp	Số giấy phép hành nghề, ngày cấp	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở	Vị trí chuyên môn	Chức danh quản lý	Khoa, phòng, bộ phận chuyên môn	Thời điểm tiếp nhận (Mục A) hoặc thôi việc (Mục B)	Thông tin ĐKHN tại cơ sở khác	Ghi chú
149	Nguyễn Thanh Thảo	Bằng tốt nghiệp Cao đẳng điều dưỡng cấp ngày 22/10/2010	0004121/B G-CCHN cấp ngày 13/5/2015	Quy định tại QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng BNV về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Điều dưỡng	không	KSNK	01/01/2017 (QĐ 46/QĐ-BVUB ngày 01/01/2017)	Không	
150	Nguyễn Thị Vân	Bằng cao đẳng điều dưỡng cấp ngày 31/03/2023	007187/BG -CCHN cấp ngày 03/5/2019	Quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Điều dưỡng	Không	KSNK	01/5/2026 (QĐ 287/QĐ-BVUB ngày 29/04/2026)	Không	người hành nghề mới
151	Nguyễn Thị Hồng Anh	Bằng tốt nghiệp Trung cấp điều dưỡng cấp ngày 08/10/2014. Bằng Cao đẳng điều dưỡng cấp ngày 10/05/2023	0004872/B G-CCHN cấp ngày 31/08/2015	Quy định tại QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng BNV về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Điều dưỡng	Không	KSNK	01/05/2026 (QĐ 294/QĐ-BVUB ngày 29/04/2026)	Không	người hành nghề mới
152	Nguyễn Hữu Hòa	Bằng bác sĩ đa khoa (1995); Ths Gây mê hồi sức (2003); Gây mê hồi sức cơ bản (2017)	002311/BG -CCHN cấp ngày 31/12/2013 ; bổ sung Chuyên khoa Gây mê hồi sức	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Bác sĩ KB, CB Nội khoa; Gây mê hồi sức	Trưởng khoa	PT-GMHS	20/01/2017 (QĐ 121a/QĐ-BVUB ngày 20/01/2017)	Không	

TT	Họ và tên	Văn bằng, chứng chỉ/ năm cấp	Số giấy phép hành nghề, ngày cấp	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở	Vị trí chuyên môn	Chức danh quản lý	Khoa, phòng, bộ phận chuyên môn	Thời điểm tiếp nhận (Mục A) hoặc thôi việc (Mục B)	Thông tin ĐKHN tại cơ sở khác	Ghi chú
			(QĐ 1761/QĐ-SYT ngày 17/6/2025)								
153	Nguyễn Thị Thùy Anh	Bằng bác sĩ đa khoa 2015, Chứng chỉ gây mê hồi sức cơ bản 2022	006377/BG-CCHN cấp ngày 21/8/2017	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Bác sĩ KB, CB đa khoa	không	PT-GMHS	20/02/2019 (QĐ 61/QĐ-BVUB ngày 12/02/2019)	Không	
154	Hà Quang Nghị	Bằng đại học Y đa khoa 2015, Chứng chỉ Gây mê hồi sức cơ bản 2020	000112/BG-GPHN cấp ngày 17/4/2024	Chuyên khoa Nội Ung bướu	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Bác sĩ KB, CB chuyên khoa Nội Ung bướu	không	PT-GMHS	01/01/2017 (QĐ 86/QĐ-BVUB ngày 01/01/2017)	Không	
155	Nguyễn Văn Huỳnh	Bằng đại học y đa khoa 2018, Bằng Bác sĩ chuyên khoa cấp I năm 2023	000041/TB-GPHN (cấp ngày 05/04/2024)	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Gây mê hồi sức	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Bác sĩ khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Gây mê hồi sức	không	PT-GMHS	02/6/2024 (QĐ 428a/QĐ-BVUB ngày 02/6/2024)	Không	
156	Nguyễn Thị Huyền	Bằng đại học y đa khoa 2019, chứng chỉ gây mê hồi sức cơ bản 2021	000521/BG-GPHN cấp ngày 07/11/2021	Chuyên khoa Nội Ung bướu	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ	Bác sĩ KB, CB chuyên khoa	không	PT-GMHS	06/7/2020 (QĐ 272/QĐ-BVUB ngày 03/7/2020)	Không	

TT	Họ và tên	Văn bằng, chứng chỉ/ năm cấp	Số giấy phép hành nghề, ngày cấp	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở	Vị trí chuyên môn	Chức danh quản lý	Khoa, phòng, bộ phận chuyên môn	Thời điểm tiếp nhận (Mục A) hoặc thôi việc (Mục B)	Thông tin ĐKHN tại cơ sở khác	Ghi chú
					theo quy chế bệnh viện)	Nội Ung bấu					
157	Hoàng Thị Thúy	Bằng cử nhân điều dưỡng(2020), Chứng chỉ KTV dụng cụ mô nội soi(2017), Chứng chỉ quản lý điều dưỡng(2023)	0002578/B G-CCHN cấp ngày 26/10/2021	Quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Điều dưỡng	Điều dưỡng trưởng khoa	PT-GMHS	01/01/2017 (QĐ 88/QĐ-BVUB ngày 01/01/2017)	Không	
158	Nguyễn Văn Cảnh	Bằng cao đẳng Điều dưỡng (2023). Chứng chỉ Gây mê hồi sức cơ bản(2017). chứng chỉ Điều dưỡng gây mê hồi sức(2021)Chứng chỉ lọc máu cơ bản dành cho điều dưỡng(2013)	002049/BG -CCHN cấp ngày 31/10/2013	Quy định tại QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng BNV về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Điều dưỡng	không	PT-GMHS	01/01/2017 (QĐ 91/QĐ-BVUB ngày 01/01/2017)	Không	
159	Hoàng Thanh Thủy	Bằng cử nhân điều dưỡng(2021), Chứng chỉ đào tạo điều dưỡng dụng cụ phẫu thuật mở(2024)	002070/BG -CCHN cấp ngày 31/10/2013	Quy định tại QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng BNV về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Điều dưỡng	không	PT-GMHS	01/5/2023 (QĐ 233/QĐ-BVUB ngày 26/4/2023)	Không	

TT	Họ và tên	Văn bằng, chứng chỉ/ năm cấp	Số giấy phép hành nghề, ngày cấp	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở	Vị trí chuyên môn	Chức danh quản lý	Khoa, phòng, bộ phận chuyên môn	Thời điểm tiếp nhận (Mục A) hoặc thôi việc (Mục B)	Thông tin ĐKHN tại cơ sở khác	Ghi chú
				ngạch viên chức y tế điều dưỡng							
160	Bùi Thị Luyến	Bằng Cao đẳng điều dưỡng (2019) , Chứng Chỉ Điều dưỡng- KTV dụng cụ mô mỡ (2017)	0002921/B G-CCHN cấp ngày 29/10/2021	Quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Điều dưỡng	không	PT-GMHS	01/01/2017 (QĐ 23/QĐ-BVUB ngày 01/01/2017)	Không	
161	Nguyễn Thị Phụng	Bằng cử nhân Điều dưỡng (2017) Chứng chỉ Điều dưỡng- KTV dụng cụ mô mỡ (2017)	002054/BG -CCHN cấp ngày 26/10/2021	Quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Điều dưỡng	không	PT-GMHS	01/01/2017 (QĐ 70/QĐ-BVUB ngày 01/01/2017)	Không	
162	Ngô Thị Liên	Bằng Cao đẳng điều dưỡng (2019) , Chứng Chỉ Điều dưỡng- KTV dụng cụ mô mỡ (2017) Chứng chỉ KTV dụng cụ mô nội soi(2019)	005865/BG -CCHN cấp ngày 29/10/2021	Quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Điều dưỡng	không	PT-GMHS	01/01/2017 (QĐ 92/QĐ-BVUB ngày 01/01/2017)	Không	
163	Nguyễn Duy Hưng	Bằng Trung cấp Y (2016); Cao đẳng điều dưỡng (2020)	006748/BG -CCHN cấp ngày 20/3/2018	Quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và	Điều dưỡng	không	PT-GMHS	01/7/2020 (HĐ 44/HĐLĐ-	Không	

TT	Họ và tên	Văn bằng, chứng chỉ/ năm cấp	Số giấy phép hành nghề, ngày cấp	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở	Vị trí chuyên môn	Chức danh quản lý	Khoa, phòng, bộ phận chuyên môn	Thời điểm tiếp nhận (Mục A) hoặc thôi việc (Mục B)	Thông tin ĐKHN tại cơ sở khác	Ghi chú
				mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)				BVUV ngày 06/7/2020)		
164	Nguyễn Thị Vân Khánh	Bằng cử nhân điều dưỡng (2021), Chứng chỉ KTV dụng cụ mổ mở (2025)	008586/BG -CCHN cấp ngày 29/8/2022	Quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Điều dưỡng	không	PT-GMHS	01/12/2022 (QĐ 687/QĐ-BVUB ngày 30/11/2022)	Không	
165	Đỗ Thị Hương	Bằng cao đẳng điều dưỡng (2021), Chứng chỉ KTV dụng cụ phẫu thuật(2022)	007481/BG -CCHN cấp ngày 07/01/2020	Quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Điều dưỡng	không	PT-GMHS	11/02/2019 (QĐ 60/QĐ-BVUB ngày 11/02/2019)	Không	
166	Thân Thị Liên	Bằng cao đẳng điều dưỡng(2019)	005848/BG -CCHN cấp ngày 23/11/2016	Quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Điều dưỡng	không	PT-GMHS	01/6/2023 (QĐ 343/QĐ-BVUB ngày 25/5/2023)	Không	
167	Nguyễn Thị Hà Bắc	Bằng bác sỹ đa khoa năm (29/5/2005), Bằng chuyên	002093/BG -CCHN, ngày cấp: 31/10/2013	Khám bệnh, chữa bệnh hệ Ngoại - Sản	Từ 6h30 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và	Bác sĩ KB, CB hệ	Trưởng khoa	Khám bệnh	01/01/2017 (QĐ 6642/QĐ-	Khám chữa bệnh ngoài giờ tại Phòng Khám Đa khoa	

TT	Họ và tên	Văn bằng, chứng chỉ/ năm cấp	Số giấy phép hành nghề, ngày cấp	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở	Vị trí chuyên môn	Chức danh quản lý	Khoa, phòng, bộ phận chuyên môn	Thời điểm tiếp nhận (Mục A) hoặc thôi việc (Mục B)	Thông tin ĐKHN tại cơ sở khác	Ghi chú
		khoa cấp I chuyên ngành Sản phụ khoa (28/12/2012), Giấy chứng nhận Siêu âm tổng quát (11/11/2009) Chứng chỉ Siêu âm sản phụ khoa (20/7/2012), Giấy chứng nhận Soi cổ tử cung (16/3/2012), Chứng chỉ Phẫu thuật ung thư phụ khoa (01/02/2019)			làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Ngoại - Sản			SYT ngày 23/12/2016)	Bảo Minh; Thời gian T7, CN từ 7h-17h; Địa chỉ: Số 4C, đường Minh Khai, phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh	
168	Vũ Thị Đức	Bằng Bác sĩ đa khoa (2014), Chứng chỉ Nội soi tai mũi họng (2016), Bằng chuyên khoa cấp I chuyên ngành ung thư (2024)	006475/BG-CCHN ngày cấp 29/09/2017	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Ung bướu	Từ 6h30 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Bác sĩ KB, CB chuyên khoa Nội Ung bướu	Phó Trưởng khoa	Khám bệnh	01/01/2017 (QĐ 42/QĐ-BVUB ngày 01/01/2017)	Không	
169	Đỗ Thị Nga	Bằng tốt nghiệp Đại học (cấp ngày 25/9/2013). Bằng chuyên	0005417/BG-CCHN cấp ngày 16/7/2015;	Khám bệnh, chữa bệnh hệ Nội-Nhi; Bổ sung: Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ung thư Bỏ	Từ 6h30 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ	Khám bệnh, chữa bệnh hệ Nội-	không	Khám bệnh	01/01/2017 (QĐ 61/QĐ-BVUB ngày 01/01/2017)	Không	

TT	Họ và tên	Văn bằng, chứng chỉ/ năm cấp	Số giấy phép hành nghề, ngày cấp	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở	Vị trí chuyên môn	Chức danh quản lý	Khoa, phòng, bộ phận chuyên môn	Thời điểm tiếp nhận (Mục A) hoặc thôi việc (Mục B)	Thông tin ĐKHN tại cơ sở khác	Ghi chú
		khoa cấp I chuyên ngành ung thư (cấp ngày 21/12/2020). Chứng nhận đọc điện tim đồ (cấp ngày 24/5/2017)		sung QĐ số 271/QĐ-SYT (10/3/2021)	theo quy chế bệnh viện)	Nhi; Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ung thư					
170	Trần Thị Phương	Bằng cử nhân điều dưỡng cấp ngày 06/09/2013.	002077/BG -CCHN cấp ngày 08/11/2021	Quy định tại QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng BNV về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng	Từ 6h30 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Điều dưỡng	Điều dưỡng trưởng khoa	Khám bệnh	01/01/2017 (QĐ 43/QĐ-BVUB ngày 01/01/2017)	Không	
171	Hoàng Thị Phương	Bằng cử nhân điều dưỡng cấp ngày 02/07/2013	006460/BG -CCHN cấp ngày 13/09/2017	Quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Từ 6h30 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Điều dưỡng	không	Khám bệnh	01/9/2019 (QĐ 266/QĐ- BVUB ngày 30/08/2019	Không	
172	Nguy Thị Dàn	Bằng trung cấp (cấp ngày: 28/10/2008); Bằng cao đẳng điều dưỡng (cấp ngày: 12/11/2019)	002068/BG -CCHN, Cấp ngày 29/10/2021	Quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Từ 6h30 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Điều dưỡng	không	Khám bệnh	01/01/2017 (QĐ 07/QĐ-BVUB ngày 01/01/2017)	Không	

TT	Họ và tên	Văn bằng, chứng chỉ/ năm cấp	Số giấy phép hành nghề, ngày cấp	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở	Vị trí chuyên môn	Chức danh quản lý	Khoa, phòng, bộ phận chuyên môn	Thời điểm tiếp nhận (Mục A) hoặc thôi việc (Mục B)	Thông tin ĐKHN tại cơ sở khác	Ghi chú
173	Lương Thị Ngọc Nhung	Bằng Cao đẳng điều dưỡng (Cấp ngày: 17/09/2018), Chứng chỉ đào tạo chăm sóc người bệnh lọc máu liên tục và thay huyết tương (Cấp ngày: 24/02/2022)	007378/BG -CCHN, Cấp ngày 08/10/2019	Quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Từ 6h30 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Điều dưỡng	không	Khám bệnh	03/8/2022 (QĐ 481/QĐ-BVUB ngày 03/08/2022)	Không	
174	Trần Thị Ngọc Lan	Bằng trung cấp điều dưỡng (ngày: 16/09/2016); bằng cao đẳng điều dưỡng (cấp ngày 12/09/2019)	006399/BG -CCHN (cấp ngày: 21/08/2017)	Quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Từ 6h30 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Điều dưỡng	không	Khám bệnh	01/10/2022 (HĐ 112/HĐLĐ-BVUB ngày 30/12/2022)	Không	
175	Nguyễn Thị Thu Trang	Bằng y sỹ (ngày: 28/10/2013); *bằng cử nhân điều dưỡng (ngày 12/10/2020)	006781/BG -CCHN (cấp ngày: 13/4/2018)	Quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Từ 6h30 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Điều dưỡng	không	Khám bệnh	01/11/2018 (HĐ 38/HĐLĐ-BVUB ngày 01/11/2018)	Không	
176	Thân Thị Ngọc Anh	Bằng Cao đẳng điều dưỡng (Cấp ngày 16	008238/BG -CCHN cấp ngày 07/10/2021	Quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định	Từ 6h30 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và	Điều dưỡng	không	Khám bệnh	01/9/2023 (QĐ 600/QĐ-	Không	

TT	Họ và tên	Văn bằng, chứng chỉ/ năm cấp	Số giấy phép hành nghề, ngày cấp	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở	Vị trí chuyên môn	Chức danh quản lý	Khoa, phòng, bộ phận chuyên môn	Thời điểm tiếp nhận (Mục A) hoặc thôi việc (Mục B)	Thông tin ĐKHN tại cơ sở khác	Ghi chú
		tháng 9 năm 2019)		mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)				BVUB ngày 31/8/2023)		
177	Nguyễn Ngọc Khánh	Bằng trung cấp (ngày: 16/09/2016); Bằng cao đẳng điều dưỡng (ngày: 12/09/2019)	007033/BG -CCHN (cấp ngày: 22/10/2018)	Quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Từ 6h30 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Điều dưỡng	không	Khám bệnh	01/8/2020 (HĐ 50/HĐLĐ-BVUB (ngày 10/8/2020)	Không	
178	Nguyễn Ngọc Toàn	Bằng bác sĩ đa khoa (2004); CKI Ung thư (2012); Xạ trị cơ bản cho bác sĩ (2017); đặt buồng truyền hóa chất tĩnh mạch (2020)	002228/BG -CCHN cấp ngày 26/10/2021	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ung bướu	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Bác sĩ KB,CB chuyên khoa Ung bướu	Trưởng khoa	Xạ	01/01/2017 (QĐ 58/QĐ-BVUB ngày 01/01/2017)	Không	
179	Trần Thị Ngoan	Bằng bác sĩ đa khoa (Ngày 27/08/2018)	008847/BG -CCHN (14/03/2023)	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Ung bướu	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Khám chữa bệnh chuyên khoa Nội Ung bướu	không	Xạ	21/5/2021 (QĐ 236/QĐ-BVUB ngày 28/05/2021)	Không	
180	Bùi Thị Gấm	Bằng bác sĩ y khoa (Ngày 18/08/2020)	008848/BG -CCHN ngày cấp 14/03/2023	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Ung bướu	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và	Bác sĩ KB, CB chuyên khoa	không	Xạ	21/5/2021 (QĐ 233/QĐ-	Không	

TT	Họ và tên	Văn bằng, chứng chỉ/ năm cấp	Số giấy phép hành nghề, ngày cấp	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở	Vị trí chuyên môn	Chức danh quản lý	Khoa, phòng, bộ phận chuyên môn	Thời điểm tiếp nhận (Mục A) hoặc thôi việc (Mục B)	Thông tin ĐKHN tại cơ sở khác	Ghi chú
					làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Nội Ung bướu			BVUB ngày 21/5/2021)		
181	Hoàng Văn Anh	Bằng bác sĩ đa khoa năm 2017	007179/BG-CCHN ngày cấp 12/04/2019	Khám chữa bệnh chuyên khoa Nội Ung bướu	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Khám chữa bệnh chuyên khoa Nội Ung bướu	không	Xạ	06/4/2022 (QĐ 205/QĐ-BVUB ngày 06/04/2022)	Không	
182	Phạm Quang Phúc	Bằng bác sĩ y khoa (Ngày 19/08/2019); CKI Ung thư (01/11/2024)	008439/BG-CCHN cấp ngày 09/5/2022	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Ung bướu; Chuyên khoa Ung bướu bổ sung QĐ 907/QĐ-SYT ngày 13/10/2025	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Bác sĩ khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ung bướu	không	Xạ	06/7/2020 (QĐ 265/QĐ-BVUB ngày 03/7/2020)	Không	
183	Nguyễn Thị Hương	Bằng bác sĩ y khoa (ngày 21/07/2020); chứng chỉ Y học hạt nhân cơ bản (ngày 20/10/2023)	008966/BG-CCHN (ngày 22/05/2023)	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại Ung bướu	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Bác sĩ khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại Ung bướu	không	Xạ	21/5/2021 (QĐ 231/QĐ-BVUB ngày 21/05/2021)	Không	
184	Lương Văn Thà	Bằng Cử nhân Điều dưỡng(31/7/200	0002509/B G-CCHN(Ng	Quy định tại QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng	Điều dưỡng	Điều dưỡng	Xạ	01/01/2017 (QĐ 87/QĐ-	Không	

TT	Họ và tên	Văn bằng, chứng chỉ/ năm cấp	Số giấy phép hành nghề, ngày cấp	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở	Vị trí chuyên môn	Chức danh quản lý	Khoa, phòng, bộ phận chuyên môn	Thời điểm tiếp nhận (Mục A) hoặc thôi việc (Mục B)	Thông tin ĐKHN tại cơ sở khác	Ghi chú
		8); Chứng chỉ: Vận hành máy xạ trị cho Điều dưỡng(24/10/2018),	ày 25/12/2013)	Bộ trưởng BNV về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngành viên chức y tế điều dưỡng	tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)		trưởng khoa		BVUB ngày 01/01/2017)		
185	Ngô Thế Sáng	Bằng cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học (19/10/2012); Chứng chỉ xạ trị gia tốc cơ bản dành cho kỹ thuật viên (30/11/2022)	0003423/B G-CCHN (Ngày cấp 24/3/2015)	Kỹ thuật viên Chẩn đoán hình ảnh	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Kỹ thuật Y	không	Xạ	01/6/2018 (QĐ 125/QĐ-BVUB ngày 30/5/2018)	Khám chữa bệnh ngoài giờ tại Phòng khám đa khoa Đăng Khoa; Thời gian T7, CN từ 7h-16h30; Địa chỉ: Phường Yên Dũng, tỉnh Bắc Ninh	
186	Ngô Đức Toàn	Bằng cao đẳng kỹ thuật hình ảnh y học (cấp ngày 15/11/2011); Bằng cử nhân Kỹ thuật hình ảnh y học(cấp ngày 09/04/2025); Chứng chỉ Kỹ thuật Y học hạt nhân cơ bản(Cấp ngày 23/09/2023)	000908/BG -CCHN (Ngày cấp 25/07/2013)	Kỹ thuật viên X-Quang	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Kỹ thuật Y	không	Xạ	01/01/2021 (QĐ 665/QĐ-BVUB ngày 31/12/2020)	Không	

TT	Họ và tên	Văn bằng, chứng chỉ/ năm cấp	Số giấy phép hành nghề, ngày cấp	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở	Vị trí chuyên môn	Chức danh quản lý	Khoa, phòng, bộ phận chuyên môn	Thời điểm tiếp nhận (Mục A) hoặc thôi việc (Mục B)	Thông tin ĐKHN tại cơ sở khác	Ghi chú
187	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Bằng Cử nhân điều dưỡng(16/08/2018)	007354/BG-CCHN ngày cấp 05/09/2019	Quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Điều dưỡng	không	Xạ	01/12/2022 (QĐ 688/QĐ-BVUB ngày 30/11/2022)	Không	
188	Ngô Quang Đính	Cao đẳng điều dưỡng (năm 2020) chứng chỉ xạ trị cơ bản(29/12/2017)	002058/BG-CCHN cấp ngày 26/10/2021	Quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Điều dưỡng	không	Xạ	01/01/2017 (QĐ 30/QĐ-BVUB ngày 01/01/2017)	Không	
189	Nguyễn Thị Ngọc	Bằng cao đẳng điều dưỡng cấp ngày 12/11/2019.Bằng Cử nhân điều dưỡng cấp ngày 12/11/2024	0002582/BG-CCHN ngày cấp 26/10/2021	Quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Điều dưỡng	không	Xạ	01/01/2017 (QĐ 66/QĐ-BVUB ngày 01/01/2017)	Không	
190	Dương Thị Phương	Cao đẳng điều dưỡng năm 12/10/2021, Bằng cử nhân điều dưỡng 12/11/2024, chứng chỉ y học	002078/BG-CCHN ngày cấp 31/10/2013	Quy định tại QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng BNV về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Điều dưỡng	không	Xạ	01/01/2017 (QĐ 85/QĐ-BVUB ngày 01/01/2017)	Không	

TT	Họ và tên	Văn bằng, chứng chỉ/ năm cấp	Số giấy phép hành nghề, ngày cấp	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở	Vị trí chuyên môn	Chức danh quản lý	Khoa, phòng, bộ phận chuyên môn	Thời điểm tiếp nhận (Mục A) hoặc thôi việc (Mục B)	Thông tin ĐKHN tại cơ sở khác	Ghi chú
		hạt nhân cơ bản 23/9/2023									
191	Nguyễn Thu Hương	Bằng Điều dưỡng trung học(08/06/2001)	0002585/B G-CCHN ngày cấp 25/12/2013	Quy định tại QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng BNV về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Điều dưỡng	không	Xạ	01/01/2017 (QĐ 78/QĐ-BVUB ngày 01/01/2017)	Không	
192	Nguyễn Thị Nga	Cao đẳng điều dưỡng (cấp 12/11/2021)	000219/BG -GPHN cấp ngày 11/6/2024	Điều dưỡng	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Điều dưỡng	Không	Xạ	01/5/2026 (QĐ 304/QĐ-BVUB ngày 29/04/2026)	Không	người hành nghề mới
193	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Bằng đại học bác sỹ đa khoa (năm 2010); Bằng Chuyên khoa I chuyên ngành Giải phẫu bệnh (năm 2019); Chứng chỉ định hướng chuyên khoa chuyên ngành Ung thư (năm 2012); Chứng chỉ điều trị đau và chăm sóc	002232/BG -CCHN cấp ngày 31/12/2019	Chuyên khoa Giải phẫu bệnh	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Bác sĩ chuyên khoa Giải phẫu bệnh	Trưởng khoa	Giải phẫu bệnh	Ngày 01/4/2017 (theo QĐ 183/QĐ-BVUB ngày 31/3/2017)	Không	

TT	Họ và tên	Văn bằng, chứng chỉ/ năm cấp	Số giấy phép hành nghề, ngày cấp	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở	Vị trí chuyên môn	Chức danh quản lý	Khoa, phòng, bộ phận chuyên môn	Thời điểm tiếp nhận (Mục A) hoặc thôi việc (Mục B)	Thông tin ĐKHN tại cơ sở khác	Ghi chú
		giảm nhẹ bệnh nhân ung thư (năm 2014); Chứng chỉ điều trị xạ trị ung thư bằng máy gia tốc (năm 2015); Chứng chỉ siêu âm tổng quát (năm 2020)									
194	Hoàng Thị Hiếu	Bằng đại học bác sỹ đa khoa (năm 2014); Chứng chỉ y học hạt nhân trong chẩn đoán và điều trị ung thư (năm 2015); chứng chỉ Chẩn đoán tế bào học (2017); kỹ thuật xét nghiệm tế bào học (2018) Bằng bác sỹ chuyên khoa I Giải phẫu bệnh (năm 2023)	005744/BG-CCHN, ngày cấp 18/10/2016 ; Bổ sung QĐ số 373/QĐ-SYT (21/02/2024)	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội ung bướu; Chuyên khoa Giải phẫu bệnh	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội ung bướu; Chuyên khoa Giải phẫu bệnh	Phó Trưởng khoa	Giải phẫu bệnh	01/01/2017; Quyết định số 31/QĐ-BVUB ngày 01/2017	Không	
195	Lã Thị Thu Trang	Bằng bác sĩ y khoa (2020); Giải phẫu bệnh cơ bản (2022)	000668/BG-GPHN cấp ngày 18/02/2025	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Ung bướu	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ	Bác sĩ thực hiện kỹ thuật Giải	không	Giải phẫu bệnh	21/5/2021 (QĐ 230/QĐ-BVUB ngày 21/5/2021)	Không	

TT	Họ và tên	Văn bằng, chứng chỉ/ năm cấp	Số giấy phép hành nghề, ngày cấp	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở	Vị trí chuyên môn	Chức danh quản lý	Khoa, phòng, bộ phận chuyên môn	Thời điểm tiếp nhận (Mục A) hoặc thôi việc (Mục B)	Thông tin ĐKHN tại cơ sở khác	Ghi chú
					theo quy chế bệnh viện)	phẫu bệnh					
196	Trịnh Đình Thái	Bằng Trung cấp kỹ thuật viên xét nghiệm (năm 1997); Bằng Cao đẳng kỹ thuật xét nghiệm đa khoa (năm 2009); Cử nhân xét nghiệm y học (năm 2016); Chứng chỉ Kỹ thuật viên Giải phẫu bệnh (1999); chứng chỉ Đọc sàng lọc Tế bào Cổ tử cung Âm đạo (năm 2003); Chứng chỉ đào tạo kỹ thuật viên GPB - TBH (2003); Kỹ thuật hóa mô miễn dịch trong Giải phẫu bệnh (năm 2020)	002488/BG -CCHN (cấp ngày 26/02/2020)	Chuyên khoa Xét nghiệm	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Kỹ thuật Y	Kỹ thuật viên trưởng khoa	Giải phẫu bệnh	01/3/2017; Quyết định số 163/QĐ-BVUB ngày 06/03/2017	Không	

TT	Họ và tên	Văn bằng, chứng chỉ/ năm cấp	Số giấy phép hành nghề, ngày cấp	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở	Vị trí chuyên môn	Chức danh quản lý	Khoa, phòng, bộ phận chuyên môn	Thời điểm tiếp nhận (Mục A) hoặc thôi việc (Mục B)	Thông tin ĐKHN tại cơ sở khác	Ghi chú
197	Thân Văn Xuân	Bằng cao đẳng kỹ thuật xét nghiệm đa khoa (năm 2009), Bằng cử nhân xét nghiệm y học (năm 2014); Chứng chỉ: Kỹ thuật xét nghiệm và chẩn đoán tế bào bệnh học (năm 2019); Kỹ thuật hoá mô miễn dịch nâng cao (năm 2022)	005911/BG -CCHN cấp ngày 13/12/2016	Chuyên khoa Xét nghiệm	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Kỹ thuật Y	không	Giải phẫu bệnh	25/12/2018 (QĐ số 432/QĐ-BVUB, 21/12/2018)	Không	
198	Lê Thúy Hằng	Bằng cao đẳng xét nghiệm y học (năm 2013); Bằng Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học (năm 2023)	000853/BG -GPHN Cấp ngày 05/05/2025	Kỹ thuật viên xét nghiệm	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Kỹ thuật Y	không	Giải phẫu bệnh	06/7/2022; 59/HĐLĐ (ngày 06/7/2022)	Không	
199	Hà Thị Thảo	Cử nhân xét nghiệm y học năm 2017	006980/BG -CCHN cấp ngày 27/9/2018	Chuyên khoa Xét nghiệm	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Kỹ thuật Y	không	Giải phẫu bệnh	01/11/2020; HĐ số 69/HĐLĐ-BVUB (ngày 01/11/2020)	Không	

TT	Họ và tên	Văn bằng, chứng chỉ/ năm cấp	Số giấy phép hành nghề, ngày cấp	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở	Vị trí chuyên môn	Chức danh quản lý	Khoa, phòng, bộ phận chuyên môn	Thời điểm tiếp nhận (Mục A) hoặc thôi việc (Mục B)	Thông tin ĐKHN tại cơ sở khác	Ghi chú
200	Nguyễn Thị Hồng Duyên	Cử nhân xét nghiệm y học năm 2015	006867/BG-CCHN cấp ngày 05/6/2018	Chuyên khoa Xét nghiệm	Từ 7h00 đến 16h30 thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trực và làm thêm giờ theo quy chế bệnh viện)	Kỹ thuật Y	không	Giải phẫu bệnh	01/7/2022; 380/QĐ-BVUB ngày 28/6/2022	Không	
B. SỐ THÔI HÀNH NGHỀ											

Nơi nhận:

- Sở Y tế (để đăng tải);
- Lưu: VT, P.TCCB.

**NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM
CHUYÊN MÔN KỸ THUẬT CỦA BỆNH VIỆN**

ĐẠI DIỆN BỆNH VIỆN

**PHÓ GIÁM ĐỐC
Lê Thị Hương**

**GIÁM ĐỐC
Nguyễn Danh Song**